BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN TỔ CHỨC
*
Số **348** - QĐ/BTCTW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2026

QUY ĐỊNH
về kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng với cơ sở dữ liệu các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy định số 20-QĐ/TW, ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy định số 216-QĐ/TW, ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức Trung ương;

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Căn cứ Quy định số 384-QĐ/TW, ngày 19/11/2025 của Ban Bí thư về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan đảng với các cơ quan, tổ chức khác trong hệ thống chính trị;

- Căn cứ Quy định số 379-QĐ/TW, ngày 22/10/2025 của Ban Bí thư về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng;

- Căn cứ Quyết định số 333-QĐ/TW, ngày 24/6/2025 của Ban Bí thư về việc ban hành Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, phiên bản 3.0;

- Căn cứ Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng;

- Căn cứ Quy định số 342-QĐ/BTCTW, ngày 20/6/2026 của Ban Tổ chức Trung ương về Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng;

- Căn cứ Hướng dẫn số 07-HD/VPTW, ngày 29/5/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu trong các cơ quan đảng;

- Căn cứ Kế hoạch số 428/KH-BCA-BTCTW-VPTW-BNV, ngày 28/5/2026 về xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về tổ chức đảng, đảng viên, liên thông với hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

- Căn cứ các Luật của Quốc hội: Luật Cơ yếu số 05/2011/QH13 ngày 26/11/2011; Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15, ngày 22/6/2023; Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15, ngày 30/11/2024; Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15,

ngày 24/6/2025; Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15, ngày 26/6/2025; Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15, ngày 10/12/2025; Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước số 117/2025/QH15, ngày 10/12/2025; Luật Viên chức số 129/2025/QH15, ngày 10/12/2025; Luật Chuyển đổi số 148/2025/QH15, ngày 11/12/2025;

- Căn cứ Nghị định số 27/2026/NĐ-CP, ngày 19/01/2026 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức;

- Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP, ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

- Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP, ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

- Căn cứ Nghị định số 68/2024/NĐ-CP, ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ;

- Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg, ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (phiên bản 1.0);

- Căn cứ Quyết định số 1630/QĐ-TTg, ngày 30/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục bí mật nhà nước của Đảng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ban,

Ban Tổ chức Trung ương ban hành quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng với cơ sở dữ liệu các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng với các cơ quan đảng, cơ quan, tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan đảng từ Trung ương đến cơ sở.

2. Các cơ quan, tổ chức khác trong hệ thống chính trị có chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng (khi được cấp có thẩm quyền cho phép).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng" (sau đây gọi tắt là HTTT TCXDĐ) là tập hợp đồng bộ các thành phần: hạ tầng kỹ thuật, phần cứng, phần mềm ứng dụng, các cơ sở dữ liệu (tổ chức đảng, đảng viên; cán bộ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; sức khỏe cán bộ theo phân cấp quản lý; bảo vệ chính trị nội bộ; nghiên cứu khoa học) và quy trình nghiệp vụ.

2. "Chủ sở hữu dữ liệu" là cơ quan, tổ chức có quyền quyết định việc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng và trao đổi giá trị dữ liệu do mình sở hữu.

3. "Chủ quản dữ liệu" là cơ quan, tổ chức thực hiện hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu theo yêu cầu của chủ sở hữu dữ liệu.

4. "Cơ quan tiếp nhận dữ liệu" (sau đây gọi tắt là cơ quan tiếp nhận) là cơ quan, tổ chức được Ban Tổ chức Trung ương đồng ý chia sẻ dữ liệu từ một hoặc nhiều phân hệ thuộc HTTT TCXDĐ để khai thác, sử dụng theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. "Chia sẻ dữ liệu" là việc cung cấp, trao đổi, đồng bộ, cho phép tiếp cận, khai thác dữ liệu giữa HTTT TCXDĐ với cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của cơ quan tiếp nhận thông qua hình thức kết nối kỹ thuật theo quy định.

6. "Liên thông dữ liệu" là việc kết nối, đồng bộ, đối soát, xác thực dữ liệu hai chiều giữa các cơ sở dữ liệu, giữa các bên tham gia liên thông.

7. "Đối soát dữ liệu" là việc so khớp, đối chiếu các trường dữ liệu giữa hai hoặc nhiều cơ sở dữ liệu thông qua khóa định danh chung (số định danh cá nhân hoặc khóa định danh khác) để phát hiện sai lệch, trùng lặp, mâu thuẫn.

8. "Xác thực dữ liệu" là việc kiểm tra tính chính xác, tính hợp lệ và nhất quán của các trường dữ liệu thông qua đối chiếu với nguồn tin cậy duy nhất.

9. "Dịch vụ dữ liệu" là dịch vụ cung cấp, chia sẻ, khai thác hoặc trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thông qua các phương thức kết nối điện tử nhằm phục vụ xử lý nghiệp vụ, tích hợp, đồng bộ và sử dụng dữ liệu.

10. "Tài khoản kết nối" là tài khoản dịch vụ được cấp cho hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hoặc ứng dụng để thực hiện kết nối, xác thực, phân quyền, trao đổi và khai thác dữ liệu thông qua các dịch vụ dữ liệu.

11. "Mức độ chia sẻ" là cấp độ phân loại dữ liệu được chia sẻ theo phạm vi, đối tượng, mục đích sử dụng, gồm: chia sẻ cơ bản (Mức 1), chia sẻ có điều kiện (Mức 2) và chia sẻ đặc biệt (Mức 3).

12. “Nguồn tin cậy duy nhất” là cơ sở dữ liệu được chỉ định làm nguồn gốc của từng trường dữ liệu hoặc nhóm dữ liệu để tạo lập, cập nhật, quản lý và cung cấp dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ, khai thác trong toàn hệ thống; các hệ thống khác sử dụng dữ liệu thông qua kết nối, chia sẻ và không tự tạo lập dữ liệu trùng lặp.

13. “Nhật ký chia sẻ dữ liệu” là tập hợp các bản ghi điện tử ghi nhận đầy đủ thông tin về lịch sử chia sẻ dữ liệu phục vụ truy vết, đối chiếu, giải trình.

14. “Khóa định danh” là trường dữ liệu hoặc tổ hợp trường dữ liệu dùng để xác định duy nhất một đối tượng và liên kết, đối chiếu dữ liệu của đối tượng đó giữa các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin. Trong Quy định này, số định danh cá nhân là khóa định danh chính, được sử dụng làm khóa liên kết duy nhất giữa các cơ sở dữ liệu (trừ trường hợp không có số định danh cá nhân).

Điều 4. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ và liên thông dữ liệu

1. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm chính xác, kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, đúng mục đích; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của cơ quan tiếp nhận; phục vụ thiết thực, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và quản lý nghiệp vụ.

2. Tuân thủ nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; mỗi dữ liệu chỉ có một nguồn tin cậy duy nhất.

3. Không thu phí chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; không cung cấp thông tin qua hình thức văn bản giấy đối với dữ liệu đã được chia sẻ qua kết nối kỹ thuật, trừ trường hợp có yêu cầu đặc biệt của cấp có thẩm quyền.

4. Bảo đảm tuyệt đối an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân; không xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức.

5. Tất cả hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc thực hiện thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo quy định nhằm đảm bảo việc giám sát, truy vết và đánh giá hiệu quả.

6. Việc chia sẻ dữ liệu phải đúng phạm vi, đúng đối tượng, đúng mục đích đã được phê duyệt. Cơ quan tiếp nhận không được chia sẻ lại dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác ngoài đối tượng đã được phê duyệt khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Ban Tổ chức Trung ương.

7. Chỉ chia sẻ các trường dữ liệu tối thiểu cần thiết để đáp ứng mục đích nghiệp vụ đã được phê duyệt; không chia sẻ toàn bộ hồ sơ hoặc tập dữ liệu khi chỉ cần khai thác một phần thông tin.

8. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu ưu tiên thực hiện tự động; theo thời gian thực hoặc gần thời gian thực nhằm bảo đảm nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung". Việc xác định chiều đồng bộ, phạm vi, tần suất đồng bộ thực hiện theo nguyên tắc nguồn tin cậy duy nhất và do cơ quan chủ quản dữ liệu quyết định theo yêu cầu nghiệp vụ.

9. Phân quyền chặt chẽ theo từng phân hệ cơ sở dữ liệu, từng nhóm dữ liệu, từng mức độ chia sẻ và từng đối tượng tiếp nhận; tránh chia sẻ tràn lan. Đối với dữ liệu cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, việc chia sẻ dữ liệu phải được xem xét, phê duyệt theo từng trường hợp cụ thể và không thực hiện chia sẻ tự động.

10. Việc chia sẻ dữ liệu với các cơ quan đảng, cơ quan, tổ chức khác trong hệ thống chính trị phải bảo đảm nguyên tắc đồng bộ, bảo mật, tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, không trùng lặp, không phát sinh chi phí kết nối không cần thiết.

11. Việc kết nối, chia sẻ, liên thông, đối soát và xác thực dữ liệu không làm thay đổi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý dữ liệu, hồ sơ và trách nhiệm cập nhật, xác nhận thông tin của cơ quan, đơn vị chủ quản dữ liệu theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Dữ liệu được chia sẻ, đối soát, xác thực là căn cứ phục vụ quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, không thay thế hồ sơ gốc, tài liệu gốc hoặc quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Cản trở hoạt động kết nối, khai thác và sử dụng dữ liệu hợp pháp của cơ quan, tổ chức theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Chia sẻ, cung cấp, sao chép, công bố dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân không có thẩm quyền hoặc trái mục đích, phạm vi theo quy định.

3. Lợi dụng việc khai thác, sử dụng dữ liệu để phục vụ mục đích cá nhân, gây ảnh hưởng đến lợi ích của Đảng, Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Làm sai lệch, giả mạo, sửa đổi, hủy hoại trái phép dữ liệu; truy cập trái phép, xâm nhập, can thiệp trái phép hoặc làm lộ, mất, chiếm đoạt dữ liệu trong quá trình kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu.

5. Tiết lộ, làm lộ, mất bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân trong quá trình kết nối, khai thác.

6. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Chương II
MỨC ĐỘ CHIA SẺ VÀ ĐỐI TƯỢNG TIẾP NHẬN

Điều 6. Phân loại mức độ chia sẻ dữ liệu

Dữ liệu trong các phân hệ cơ sở dữ liệu thuộc HTTT TCXDĐ được phân loại theo ba mức độ chia sẻ như sau:

1. Mức 1 - Chia sẻ cơ bản:

a) Là nhóm dữ liệu cốt lõi phục vụ định danh, đối chiếu, xác thực, tổng hợp, thống kê; không thuộc danh mục bí mật nhà nước, không phải dữ liệu cá nhân nhạy cảm, không phản ánh chi tiết quá trình nghiệp vụ đảng viên và không chứa thông tin có yếu tố bảo vệ chính trị nội bộ.

b) Được chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị có chức năng, nhiệm vụ phù hợp thông qua kết nối kỹ thuật theo quy định.

2. Mức 2 - Chia sẻ có điều kiện:

a) Là nhóm dữ liệu phục vụ công tác quản lý nghiệp vụ cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng; dữ liệu có yếu tố nhạy cảm hoặc dữ liệu nội bộ của Đảng nhưng chưa thuộc nhóm chia sẻ đặc biệt.

b) Chỉ được chia sẻ khi cơ quan tiếp nhận có đủ căn cứ pháp lý, mục đích sử dụng rõ ràng, được phê duyệt theo từng trường dữ liệu hoặc từng dịch vụ dữ liệu cụ thể và bảo đảm các điều kiện về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước.

3. Mức 3 - Chia sẻ đặc biệt:

a) Là nhóm dữ liệu nhạy cảm, dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước, dữ liệu liên quan đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ, đặc điểm lịch sử, quan hệ gia đình có yếu tố chính trị, hoàn cảnh kinh tế, tài sản, thu nhập, yếu tố nước ngoài của đảng viên, dữ liệu cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý chưa công khai và các dữ liệu nhạy cảm khác.

b) Chỉ được chia sẻ trong trường hợp đặc biệt, không chia sẻ tự động, theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, được phê duyệt của Ban Tổ chức Trung ương; tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, công tác cơ yếu.

c) Việc chia sẻ thực hiện trên hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng với giải pháp bảo mật, sản phẩm mật mã của Ban Cơ yếu Chính phủ.

Danh mục chi tiết trường dữ liệu và mức độ chia sẻ tương ứng được quy định tại Phụ lục I đến Phụ lục VII ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 7. Đối tượng được tiếp nhận dữ liệu

1. Đối tượng được tiếp nhận dữ liệu chia sẻ từ HTTT TCXDĐ là các cơ quan đảng từ Trung ương đến cơ sở và các cơ quan, tổ chức khác trong hệ thống chính trị có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với mục đích chia sẻ dữ liệu quy định tại Điều 8 Quy định này.

2. Đối với mỗi cơ quan, tổ chức tiếp nhận, Ban Tổ chức Trung ương ban hành văn bản riêng xác định cụ thể phân hệ cơ sở dữ liệu, nhóm dữ liệu, mức độ chia sẻ, phạm vi và mục đích sử dụng, hình thức kết nối, các điều kiện về an ninh mạng và bảo mật, theo quy trình quy định tại Chương V Quy định này.

3. Bộ Công an và Bộ Nội vụ tham gia liên thông hai chiều với HTTT TCXDĐ theo Chương IV Quy định này.

4. Đối với dữ liệu Mức 3, đơn vị tiếp nhận phải có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với mục đích sử dụng dữ liệu hoặc theo yêu cầu cụ thể của cấp có thẩm quyền.

Điều 8. Mục đích chia sẻ dữ liệu

Dữ liệu của HTTT TCXDĐ được chia sẻ để phục vụ các mục đích sau:

1. Phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng chủ trương, nghị quyết của Đảng; hoạch định chính sách, pháp luật của Nhà nước; quản trị dựa trên dữ liệu và kết quả được đo lường, kiểm chứng.

2. Phục vụ công tác cán bộ và các nghiệp vụ chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan tiếp nhận.

3. Phục vụ kết nối, đối soát, đồng bộ, làm sạch dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin trong hệ thống chính trị.

4. Phục vụ cải cách hành chính, đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ, cung cấp dịch vụ công, thủ tục hành chính và chuyển đổi số.

5. Các mục đích hợp pháp khác theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Chương III
CHIA SẺ DỮ LIỆU TỪ TỪNG PHÂN HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 9. Chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên

1. Nhóm dữ liệu chia sẻ:

a) Dữ liệu về tổ chức đảng (mã, tên, phân loại, loại hình, tổ chức đảng cấp trên, đơn vị quản lý, trạng thái và lịch sử thay đổi tổ chức…).

b) Dữ liệu định danh, thông tin cá nhân, địa chỉ của đảng viên.

c) Dữ liệu về đảng tịch và quá trình kết nạp, sinh hoạt, chuyển sinh hoạt Đảng.

d) Dữ liệu về quá trình công tác, đào tạo, bồi dưỡng.

đ) Dữ liệu về khen thưởng, huy hiệu Đảng, kỷ luật Đảng, đánh giá, xếp loại đảng viên.

e) Dữ liệu về đặc điểm lịch sử, quan hệ gia đình, hoàn cảnh kinh tế và yếu tố nước ngoài của đảng viên.

g) Dữ liệu phục vụ in, phát thẻ đảng viên.

h) Các nhóm dữ liệu khác trong Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Danh mục chi tiết trường dữ liệu và mức độ chia sẻ tương ứng được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 10. Chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu cán bộ thuộc Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng

1. Nhóm dữ liệu chia sẻ:

a) Dữ liệu về cơ quan, tổ chức, bộ máy, biên chế khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

b) Dữ liệu định danh, thông tin cá nhân và liên hệ của cán bộ, công chức, viên chức (số định danh, họ tên, ngày sinh, dân tộc, tôn giáo, nơi sinh, quê quán, nơi ở, điện thoại, thư điện tử, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế…).

c) Dữ liệu về tuyển dụng, bổ nhiệm, bầu cử, điều động, luân chuyển, biệt phái, quy hoạch, thôi việc, nghỉ hưu và quá trình công tác.

d) Dữ liệu về học vấn, trình độ, đào tạo, bồi dưỡng, học hàm, học vị.

đ) Dữ liệu về ngạch, bậc, lương, phụ cấp; thi đua, khen thưởng và kỷ luật.

e) Dữ liệu về tham gia tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang và sức khỏe.

g) Dữ liệu về lịch sử bản thân, quan hệ gia đình, tài sản, thu nhập, việc đi nước ngoài và các thông tin có yếu tố nước ngoài của cán bộ.

h) Các nhóm dữ liệu khác trong Cơ sở dữ liệu cán bộ (thuộc HTTT TCXDĐ) theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Danh mục chi tiết trường dữ liệu và mức độ chia sẻ tương ứng được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 11. Chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu sức khỏe cán bộ theo phân cấp quản lý

1. Nhóm dữ liệu chia sẻ:

a) Dữ liệu hành chính của hồ sơ sức khỏe và bảo hiểm y tế (mã hồ sơ, định danh cán bộ, đơn vị khám, cơ quan và tình trạng công tác, thẻ bảo hiểm y tế…).

b) Dữ liệu kết luận phân loại sức khỏe tổng quát.

c) Dữ liệu khám, điều trị chuyên môn chi tiết.

d) Dữ liệu về người liên lạc khi cần.

đ) Các dữ liệu khác trong Cơ sở dữ liệu sức khỏe cán bộ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Danh mục chi tiết trường dữ liệu và mức độ chia sẻ tương ứng được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 12. Chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu bảo vệ chính trị nội bộ

1. Nhóm dữ liệu chia sẻ:

a) Dữ liệu hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ.

b) Dữ liệu yêu cầu và lịch sử khai thác hồ sơ.

c) Dữ liệu trao đổi, hướng dẫn, thẩm định, thẩm tra, xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị.

d) Dữ liệu kết luận tiêu chuẩn chính trị.

đ) Dữ liệu báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

e) Các dữ liệu khác trong Cơ sở dữ liệu bảo vệ chính trị nội bộ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Danh mục chi tiết trường dữ liệu và mức độ chia sẻ tương ứng được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 13. Chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

1. Nhóm dữ liệu chia sẻ:

a) Dữ liệu về chương trình, lớp đào tạo, bồi dưỡng.

b) Dữ liệu kết quả đào tạo, bồi dưỡng của từng cán bộ, công chức, viên chức.

c) Dữ liệu báo cáo tổng kết, kế hoạch và tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng; Dữ liệu về đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng.

d) Dữ liệu về đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài.

đ) Các dữ liệu khác trong Cơ sở dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Danh mục chi tiết trường dữ liệu và mức độ chia sẻ tương ứng được quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 14. Chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học

1. Nhóm dữ liệu chia sẻ:

a) Dữ liệu về đề xuất, đề tài, đề án khoa học.

b) Dữ liệu về hội thảo, tọa đàm khoa học.

c) Dữ liệu về hội đồng khoa học và ý kiến thẩm định.

d) Dữ liệu tổng hợp, thống kê hoạt động nghiên cứu khoa học;

đ) Các dữ liệu khác trong Cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Danh mục chi tiết trường dữ liệu và mức độ chia sẻ tương ứng được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Quy định này.

Chương IV
KẾT NỐI, CHIA SẺ GIỮA CƠ SỞ DỮ LIỆU TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN VỚI CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 15. Phạm vi kết nối, chia sẻ

1. Kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu hai chiều giữa Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên thuộc HTTT TCXDĐ với:

a) Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

2. Mục tiêu kết nối, chia sẻ, liên thông: bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung" giữa ba cơ sở dữ liệu; phục vụ định danh, xác thực, đối soát, làm sạch dữ liệu; phục vụ công tác cán bộ và quản lý đảng viên; phục vụ cải cách hành chính và chuyển đổi số.

Điều 16. Nguồn tin cậy duy nhất giữa ba cơ sở dữ liệu

Nguyên tắc xác định nguồn tin cậy duy nhất đối với từng nhóm dữ liệu giữa ba cơ sở dữ liệu được quy định cụ thể như sau:

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là nguồn tin cậy duy nhất đối với các dữ liệu định danh cá nhân (số định danh cá nhân, họ tên, ngày sinh, giới tính, dân tộc, tôn giáo, quốc tịch, quê quán, nơi thường trú, nơi tạm trú), tình trạng cư trú, quan hệ nhân thân, tình trạng còn sống hay đã chết.

2. Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên là nguồn tin cậy duy nhất đối với dữ liệu về tổ chức đảng, đảng viên, sinh hoạt đảng, khen thưởng - kỷ luật về Đảng, huy hiệu Đảng và các dữ liệu chuyên ngành tổ chức xây dựng Đảng.

3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức là nguồn tin cậy duy nhất đối với các trường dữ liệu chủ do ngành Nội vụ quản lý theo Nghị định số 27/2026/NĐ-CP.

4. Đối với cán bộ, công chức, viên chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, Cơ sở dữ liệu cán bộ (thuộc HTTT TCXDĐ) là nguồn tin cậy duy nhất; dữ liệu này được đồng bộ sang CSDL quốc gia về CBCCVC thực hiện theo cơ chế, lộ trình được thống nhất với Bộ Nội vụ.

Điều 17. Khóa định danh chung trong liên thông

1. Số định danh cá nhân (CCCD) là khóa định danh chính, sử dụng làm khóa liên kết duy nhất giữa ba cơ sở dữ liệu.

2. Trường hợp đảng viên chưa có số định danh cá nhân:

a) Sử dụng số Chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (nếu có), họ tên, ngày tháng năm sinh để xác lập khóa định danh tạm thời.

b) Đối chiếu với Cơ sở dữ liệu dân cư (CSDL dân cư) qua các trường thông tin định danh khác (họ tên, ngày sinh, giới tính, quê quán) bằng các thuật toán đối sánh phù hợp.

c) Khi đảng viên có số định danh cá nhân, cập nhật ngay vào bảng đối chiếu và đồng bộ với CSDL dân cư.

3. Đối với cán bộ, công chức, viên chức khối Đảng đồng thời là đảng viên: số định danh cá nhân là khóa liên kết duy nhất giữa Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên, Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức khối Đảng và Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 18. Dữ liệu chia sẻ giữa ba cơ sở dữ liệu

1. Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên chia sẻ cho CSDL dân cư và Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức (CSDL QG CBCCVC): các trường thông tin được phép chia sẻ ở Mức 1 và Mức 2 theo Phụ lục I của Quy định này; trong đó tối thiểu bao gồm:

a) Thông tin định danh đảng viên, trạng thái đảng viên và một số thông tin đảng tịch cần thiết phục vụ đối soát, xác thực, quản lý cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên theo phạm vi được phê duyệt.

b) Thông tin phục vụ in thẻ đảng viên, trang thông tin cá nhân của đảng viên.

2. CSDL dân cư chia sẻ cho Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên:

a) Thông tin cơ bản về công dân theo Luật Căn cước: số định danh cá nhân, họ tên, ngày sinh, giới tính, dân tộc, tôn giáo, quốc tịch, quê quán, nơi thường trú, nơi tạm trú.

b) Tình trạng cư trú; thông tin của nhân thân theo quan hệ nhân thân trong phạm vi cho phép.

c) Tình trạng còn sống hay đã chết; ngày, tháng, năm chết (nếu có).

3. CSDL QG CBCCVC chia sẻ cho Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên (đối với đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức):

a) Quá trình công tác, chức vụ chính quyền, vị trí việc làm, ngạch, bậc.

b) Trình độ đào tạo, bồi dưỡng, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học.

c) Khen thưởng, kỷ luật về chính quyền.

d) Tình trạng biên chế, đơn vị công tác.

4. Danh mục chi tiết trường dữ liệu liên thông giữa ba cơ sở dữ liệu được quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 19. Đối soát dữ liệu giữa ba cơ sở dữ liệu

1. Đối soát là hoạt động kiểm tra, làm sạch dữ liệu định kỳ giữa ba cơ sở dữ liệu nhằm đối chiếu, phát hiện và xử lý các trường hợp dữ liệu sai lệch, trùng lặp, mâu thuẫn, thiếu hoặc chưa được liên kết đúng giữa các cơ sở dữ liệu; bảo đảm tính chính xác, thống nhất và chất lượng dữ liệu theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung".

2. Định kỳ 03 tháng/lần, Ban Tổ chức Trung ương (Văn phòng Ban) chủ trì, phối hợp với Bộ Công an (Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) và Bộ Nội vụ tổ chức đối soát chéo dữ liệu giữa ba cơ sở dữ liệu thông qua số định danh cá nhân.

3. Nội dung đối soát:

a) So khớp danh sách đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức giữa ba cơ sở dữ liệu.

b) Phát hiện đảng viên đã từ trần nhưng chưa cập nhật trên Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên (qua đối chiếu với CSDL dân cư).

c) Phát hiện cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên nhưng chưa được liên kết đúng giữa hai cơ sở dữ liệu.

d) Phát hiện sai lệch về các trường thông tin định danh, nhân thân.

4. Kết quả đối soát được lập thành biên bản, gửi các bên có liên quan để xử lý, đồng bộ dữ liệu chính thức.

5. Khi phát sinh thay đổi dữ liệu nguồn (chuyển công tác, nghỉ hưu, từ trần, thay đổi nơi cư trú, thay đổi thông tin định danh…), cơ quan chủ quản dữ liệu nguồn có trách nhiệm cập nhật kịp thời và bảo đảm chia sẻ đến các cơ quan có liên quan trong thời gian sớm nhất, không quá 03 ngày làm việc.

Chương V
PHƯƠNG THỨC, QUY TRÌNH KẾT NỐI VÀ CHIA SẺ DỮ LIỆU

Điều 20. Hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu được thực hiện thông qua các hình thức:

a) Sử dụng giao diện lập trình ứng dụng (API) để truy vấn, trao đổi dữ liệu theo thời gian thực hoặc theo yêu cầu. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ các cơ quan đảng thực hiện qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Đảng (LGSP); việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin của các cơ quan khác trong hệ thống chính trị thực hiện thông qua LGSP kết nối tới Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia (NDOP) theo quy định của pháp luật về kết nối, chia sẻ dữ liệu.

b) Đồng bộ dữ liệu định kỳ theo quy trình kỹ thuật, phân quyền cụ thể đã thống nhất.

c) Các hình thức khác phù hợp với quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Việc kết nối, chia sẻ thực hiện qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước; áp dụng giải pháp bảo mật, ký số, xác thực của Ban Cơ yếu Chính phủ.

Điều 21. Quy trình đề nghị kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Cơ quan có nhu cầu kết nối, khai thác dữ liệu gửi văn bản đề nghị đến Ban Tổ chức Trung ương (qua Văn phòng Ban). Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Văn bản đề nghị kết nối, chia sẻ dữ liệu của người đứng đầu cơ quan (hoặc cấp phó của người đứng đầu được ủy quyền) tiếp nhận, nêu rõ:

- Căn cứ pháp lý và mục đích kết nối, khai thác;

- Phân hệ cơ sở dữ liệu cần kết nối; nhóm dữ liệu, trường dữ liệu đề nghị khai thác, được lựa chọn theo nhu cầu thực tế của cơ quan tiếp nhận, trong phạm vi danh mục và mức độ chia sẻ quy định tại các Phụ lục của Quy định này;

- Mức độ chia sẻ đề nghị (Mức 1, 2 hoặc 3);

- Phương thức kết nối, tần suất, số lượng giao dịch dự kiến, thời hạn kết nối;

- Đầu mối phối hợp (lãnh đạo phụ trách, cán bộ kỹ thuật);

- Cam kết về phạm vi sử dụng, không chia sẻ lại trái thẩm quyền;

- Cam kết về bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước.

b) Hồ sơ kèm theo: phương án kỹ thuật kết nối; kết quả đánh giá cấp độ an toàn hệ thống thông tin của cơ quan tiếp nhận (tối thiểu cấp độ 3) và tài liệu chứng minh đã triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống trước khi kết nối; danh sách tài khoản đề nghị cấp (nếu có).

2. Mẫu Phiếu đề nghị kết nối, khai thác dữ liệu được quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Quy định này.

3. Quy trình thẩm định và phê duyệt:

a) Ban Tổ chức Trung ương (Văn phòng Ban) tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ trong thời hạn 07 ngày làm việc.

b) Văn phòng Ban gửi lấy ý kiến vụ, cục, đơn vị chủ quản nội dung dữ liệu thuộc phân hệ đề nghị kết nối; thời hạn cho ý kiến không quá 07 ngày làm việc.

c) Văn phòng Ban tổng hợp ý kiến, thẩm định kỹ thuật (phương án kết nối, an ninh mạng), tham mưu trình cấp có thẩm quyền:

- Đối với Mức 1: trình Chánh Văn phòng Ban xem xét, ký quyết định trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với Mức 2: trình lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương xem xét, quyết định trong thời hạn 10 ngày làm việc.

- Đối với Mức 3: trình Trưởng Ban Tổ chức Trung ương xem xét, quyết định trong thời hạn 15 ngày làm việc; trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày làm việc.

4. Trường hợp đồng ý: cấp có thẩm quyền ký quyết định chia sẻ dữ liệu hoặc văn bản đồng ý; Văn phòng Ban triển khai kết nối kỹ thuật, cấp phát tài khoản, kiểm thử và đưa vào vận hành chính thức.

5. Trường hợp không đồng ý: Văn phòng Ban có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

6. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Văn phòng Ban có văn bản đề nghị cơ quan tiếp nhận bổ sung trong thời hạn 07 ngày làm việc.

Điều 22. Tài khoản kết nối và xác thực

1. Việc kết nối, khai thác dữ liệu phải sử dụng tài khoản có hình thức định danh và xác thực phù hợp; phân quyền chặt chẽ theo từng phân hệ cơ sở dữ liệu, từng nhóm dữ liệu, từng cá nhân được giao nhiệm vụ.

2. Ban Tổ chức Trung ương cấp tài khoản kết nối (nếu có) cho cơ quan tiếp nhận sau khi ra quyết định kết nối, chia sẻ; cơ quan tiếp nhận chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng tài khoản được cấp theo đúng phạm vi, mục đích khai thác; bảo đảm an ninh mạng, bảo mật và không để lộ, lọt thông tin tài khoản.

3. Khi không còn nhu cầu kết nối, khai thác dữ liệu hoặc chấm dứt việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, cơ quan tiếp nhận và Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm thông báo cho bên liên quan để thực hiện thu hồi, hủy bỏ tài khoản kết nối và điều chỉnh phân quyền liên quan.

Chương VI
CHẤT LƯỢNG DỮ LIỆU VÀ XỬ LÝ XUNG ĐỘT

Điều 23. Trách nhiệm về chất lượng dữ liệu

1. Ban Tổ chức Trung ương chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của dữ liệu được chia sẻ từ HTTT TCXDĐ theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung".

2. Trường hợp dữ liệu chia sẻ phát sinh sai sót hoặc cần hiệu chỉnh, Ban Tổ chức Trung ương tổ chức rà soát, khắc phục, cập nhật dữ liệu trên HTTT TCXDĐ theo thẩm quyền. Việc cập nhật dữ liệu chính thức phải căn cứ kết quả xác minh của cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm thực hiện đồng bộ lại dữ liệu sau khi được cập nhật.

Điều 24. Xử lý xung đột, trùng lặp, sai lệch dữ liệu

1. Nguyên tắc xử lý xung đột:

a) Ưu tiên dữ liệu của cơ quan chủ quản được xác định là nguồn tin cậy duy nhất theo Điều 16 Quy định này.

b) Trường hợp chưa xác định rõ nguồn tin cậy duy nhất, ưu tiên dữ liệu được cập nhật gần nhất, có căn cứ pháp lý đầy đủ và đã được xác minh.

c) Cơ quan khai thác không tự ý sửa đổi dữ liệu của cơ quan khác trên hệ thống của mình; chỉ phản ánh, đề nghị, phối hợp đối chiếu để cơ quan chủ quản nguồn xử lý.

2. Quy trình xử lý xung đột:

a) Bước 1: Cơ quan phát hiện xung đột lập biên bản, ghi nhận thông tin về điểm khác biệt; gửi Ban Tổ chức Trung ương (Văn phòng Ban) trong thời hạn 07 ngày làm việc.

b) Bước 2: Ban Tổ chức Trung ương chuyển yêu cầu rà soát đến cơ quan, đơn vị liên quan nội dung dữ liệu để rà soát, xác minh, đối chiếu hồ sơ gốc và phản hồi kết quả trong thời hạn 10 ngày làm việc; trường hợp phức tạp kéo dài nhưng không quá 30 ngày làm việc và phải thông báo lý do.

c) Bước 3: Sau khi xác minh, cơ quan, đơn vị chủ quản nội dung dữ liệu thực hiện cập nhật dữ liệu chính thức trên hệ thống; Ban Tổ chức Trung ương đồng bộ cho cơ quan tiếp nhận.

d) Bước 4: Cơ quan tiếp nhận thực hiện đồng bộ lại dữ liệu trên hệ thống của mình theo kết quả đã được xác minh.

3. Trường hợp xung đột liên quan đến liên thông giữa Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức:

a) Áp dụng nguyên tắc nguồn tin cậy duy nhất quy định tại Điều 16 Quy định này: cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu là nguồn tin cậy của trường dữ liệu xung đột chịu trách nhiệm xác minh, chỉnh sửa dữ liệu trên cơ sở hồ sơ pháp lý gốc; các cơ sở dữ liệu còn lại đồng bộ theo dữ liệu đã được xác minh.

b) Ban Tổ chức Trung ương chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp với đầu mối kỹ thuật của Bộ Công an, Bộ Nội vụ trao đổi thông tin, đối chiếu hồ sơ gốc, thống nhất phương án xử lý đối với từng trường hợp cụ thể trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện xung đột.

c) Trường hợp ba bên có cách hiểu khác nhau về nguồn tin cậy đối với một trường dữ liệu cụ thể, Ban Tổ chức Trung ương đề nghị Bộ Công an, Bộ Nội vụ tổ chức làm việc ba bên để thống nhất; báo cáo cấp có thẩm quyền khi cần thiết.

d) Kết quả xử lý xung đột được ghi nhận đầy đủ trong nhật ký kết nối, chia sẻ, liên thông.

Điều 25. Đối soát, làm sạch dữ liệu định kỳ

1. Đối soát chéo với CSDL dân cư và CSDL QG CBCCVC thực hiện định kỳ tối thiểu 03 tháng/lần theo Điều 19 Quy định này.

2. Định kỳ hằng năm, Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị chủ quản nội dung dữ liệu rà soát toàn diện chất lượng dữ liệu trong các phân hệ cơ sở dữ liệu thuộc HTTT TCXDĐ, trao đổi với các cơ quan, đơn vị chủ quản nội dung dữ liệu về thay đổi dữ liệu nguồn để hoàn thiện.

3. Khi phát sinh thay đổi dữ liệu nguồn, các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền có trách nhiệm cập nhật kịp thời vào hệ thống để bảo đảm dữ liệu chia sẻ ra ngoài là dữ liệu "sống".

Chương VII
BẢO ĐẢM AN NINH MẠNG

Điều 26. Bảo đảm an ninh mạng

1. Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan tiếp nhận phải được xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin (tối thiểu cấp độ 3) và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin đầy đủ theo quy định pháp luật về an ninh mạng trước khi kết nối.

2. Các bên tham gia kết nối, chia sẻ (HTTT TCXDĐ và hệ thống thông tin của cơ quan tiếp nhận) áp dụng các biện pháp kỹ thuật: xác thực, phân quyền, mã hoá đường truyền, ký số, giám sát an ninh mạng, sao lưu, phục hồi dữ liệu, phòng chống mã độc, phòng chống tấn công mạng.

3. Trước khi kết nối và định kỳ trong quá trình vận hành, các bên phải tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin; khi có thay đổi về thiết kế hệ thống phải đánh giá lại.

4. Dữ liệu Mức 3 phải được mã hoá, giải mã bằng giải pháp bảo mật, sản phẩm mật mã của Ban Cơ yếu Chính phủ; truyền tải trên hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng.

5. Việc sao lưu dữ liệu cần được thực hiện theo nguyên tắc bảo đảm khả năng dự phòng và phục hồi sau thảm họa; khuyến khích duy trì tối thiểu 03 bản sao dữ liệu trên ít nhất 02 loại phương tiện lưu trữ khác nhau, trong đó có ít nhất 01 bản sao được lưu giữ tại địa điểm dự phòng độc lập nhằm bảo đảm khả năng khôi phục dữ liệu khi xảy ra sự cố nghiêm trọng hoặc thảm họa.

Điều 27. Bảo vệ bí mật nhà nước

1. Các trường dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực tổ chức xây dựng Đảng chỉ được chia sẻ qua mạng truyền số liệu chuyên dùng với giải pháp bảo mật, sản phẩm mật mã của Ban Cơ yếu Chính phủ.

2. Việc xác định dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Dữ liệu Mức 3 chỉ được chia sẻ khi có sự phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Điều 28. Bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Việc xử lý dữ liệu cá nhân trong quá trình chia sẻ tuân thủ Luật Dữ liệu, pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định có liên quan.

2. Bảo đảm các nguyên tắc: hợp pháp, minh bạch, đúng mục đích, tối thiểu hóa dữ liệu, chính xác, hạn chế lưu trữ, bảo mật, trách nhiệm giải trình.

3. Không xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức.

4. Đối với dữ liệu cá nhân nhạy cảm (dữ liệu bảo vệ chính trị nội bộ, dữ liệu sức khỏe, dữ liệu liên quan đến tiền án, tiền sự bản thân, quan hệ với cá nhân tổ chức nước ngoài…): áp dụng các biện pháp mã hóa phù hợp đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hạn chế tối thiểu dữ liệu cần thiết khi chia sẻ; tuân thủ pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Đối với dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo Điều 27 của Quy định này.

Điều 29. Tạm ngừng, chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Ban Tổ chức Trung ương tạm ngừng cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trong các trường hợp:

a) Nâng cấp, mở rộng, bảo trì hệ thống thông tin, cơ sở hạ tầng thông tin; thông báo trước ít nhất 07 ngày làm việc.

b) Sự cố bất khả kháng làm gián đoạn kết nối; thông báo trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm dừng và nhanh chóng khắc phục.

c) Cơ quan tiếp nhận vi phạm mục đích sử dụng dữ liệu hoặc kết nối có khả năng làm mất an ninh mạng; thông báo chậm nhất 01 ngày kể từ thời điểm xác định vi phạm.

2. Ban Tổ chức Trung ương chấm dứt kết nối, chia sẻ trong các trường hợp:

a) Mục đích sử dụng dữ liệu không còn phù hợp với mục đích chia sẻ đã được phê duyệt.

b) Quyết định chia sẻ hết hiệu lực mà các bên không gia hạn.

c) Cơ quan tiếp nhận không khắc phục vi phạm trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo.

d) Theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Việc tạm ngừng, chấm dứt phải được thông báo bằng văn bản; cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm xử lý dữ liệu đã khai thác theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 30. Lưu trữ nhật ký chia sẻ dữ liệu

1. Ban Tổ chức Trung ương lưu trữ nhật ký chia sẻ dữ liệu tối thiểu 02 năm, bảo đảm khả năng truy vết, không chỉnh sửa lịch sử.

2. Nội dung nhật ký gồm: thời điểm, hình thức yêu cầu, định danh cơ quan/tài khoản, phân hệ cơ sở dữ liệu được truy vấn, phạm vi dữ liệu được truy vấn, mức độ chia sẻ áp dụng, trạng thái đáp ứng, nội dung dữ liệu đã chia sẻ (khi cần thiết) và các thông tin phục vụ đối chiếu.

Điều 31. Ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng

1. Sự cố an ninh mạng trong phạm vi Quy định này là sự kiện xảy ra trong quá trình kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu, làm tổn hại hoặc đe dọa tổn hại đến tính bảo mật, tính toàn vẹn, tính sẵn sàng của dữ liệu và hệ thống thông tin của các bên, bao gồm:

a) Lộ, lọt, mất, đánh cắp, chiếm đoạt dữ liệu;

b) Tấn công mạng, phát tán mã độc nhằm vào HTTT TCXDĐ, hệ thống thông tin của cơ quan tiếp nhận hoặc đường truyền, kênh kết nối;

c) Truy cập, can thiệp, sửa đổi, hủy hoại dữ liệu trái phép; sử dụng tài khoản kết nối sai mục đích, sai thẩm quyền;

d) Các sự cố khác gây gián đoạn hoặc mất an toàn cho hoạt động kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu.

2. Nguyên tắc ứng phó, khắc phục sự cố:

a) Chủ động, kịp thời; ưu tiên ngăn chặn, không để sự cố lan rộng và hạn chế tối đa thiệt hại.

b) Không che giấu, không làm sai lệch thông tin về sự cố; bảo toàn nguyên trạng dấu vết, nhật ký phục vụ truy vết, điều tra, xác minh.

c) Ưu tiên bảo vệ dữ liệu Mức 3, dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước và dữ liệu cá nhân nhạy cảm.

d) Tuân thủ pháp luật về an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Khi phát hiện hoặc nhận được cảnh báo về sự cố, cơ quan phát hiện thực hiện ngay quy trình ứng phó như sau:

a) Bước 1 - Ngăn chặn: cô lập nguồn sự cố; tạm ngừng tài khoản, phiên kết nối hoặc dịch vụ chia sẻ dữ liệu có liên quan theo Điều 29 Quy định này để ngăn nguy cơ lan rộng; bảo toàn dữ liệu, nhật ký, dấu vết phục vụ điều tra.

b) Bước 2 - Thông báo, báo cáo: báo cáo Ban Tổ chức Trung ương, cơ quan chuyên trách theo pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, cơ yếu và đầu mối của các bên liên quan ngay khi phát hiện, chậm nhất không quá 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện sự cố.

c) Bước 3 - Điều tra, đánh giá: xác minh nguyên nhân, nguồn gốc, phạm vi ảnh hưởng, loại và khối lượng dữ liệu bị tác động, mức độ thiệt hại.

d) Bước 4 - Khắc phục, phục hồi: triển khai biện pháp khắc phục, vá lỗ hổng, khôi phục dữ liệu và hoạt động kết nối; chỉ kết nối, chia sẻ trở lại sau khi đã xử lý dứt điểm nguyên nhân sự cố và bảo đảm đủ điều kiện an toàn thông tin.

đ) Bước 5 - Báo cáo, rút kinh nghiệm: lập hồ sơ sự cố; báo cáo kết quả xử lý về Ban Tổ chức Trung ương; rà soát, bổ sung biện pháp phòng ngừa, không để sự cố tái diễn.

4. Trách nhiệm phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố:

a) Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, điều phối công tác ứng phó, khắc phục sự cố liên quan đến HTTT TCXDĐ; quyết định tạm ngừng, chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Điều 29 Quy định này.

b) Văn phòng Trung ương Đảng bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, đường truyền dùng chung và phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố.

c) Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ phối hợp ứng phó, điều tra, xử lý sự cố theo chức năng, nhiệm vụ và theo quy định.

d) Cơ quan tiếp nhận chịu trách nhiệm ứng phó, khắc phục sự cố xảy ra trên hệ thống thông tin của mình và phối hợp đầy đủ với Ban Tổ chức Trung ương trong suốt quá trình xử lý.

5. Ban Tổ chức Trung ương và cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm xây dựng phương án ứng phó sự cố an toàn thông tin trong kết nối, chia sẻ dữ liệu và tổ chức diễn tập định kỳ phù hợp với cấp độ an toàn hệ thống thông tin đã được phê duyệt.

6. Tổ chức, cá nhân để xảy ra sự cố do vi phạm Quy định này, hoặc có hành vi che giấu, chậm trễ báo cáo, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách

nhiệm ứng phó, khắc phục sự cố thì tùy theo tính chất, mức độ bị xem xét, xử lý theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Chương VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Ban Tổ chức Trung ương

1. Là cơ quan chủ quản Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng; chịu trách nhiệm trước Ban Bí thư về việc quản lý, vận hành và bảo đảm hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống theo Quy định này.

2. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị kết nối, chia sẻ dữ liệu; ban hành văn bản chấp thuận kết nối, chia sẻ dữ liệu theo mức độ chia sẻ và thẩm quyền tương ứng quy định tại Điều 6 Quy định này; ban hành văn bản thông báo tạm ngừng, chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Điều 29 Quy định này.

3. Chủ trì triển khai liên thông giữa Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Ban Cơ yếu Chính phủ và các cơ quan có liên quan trong triển khai Quy định này.

4. Bảo đảm chất lượng dữ liệu trong các phân hệ cơ sở dữ liệu thuộc HTTT TCXDĐ theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"; tổ chức đối soát, làm sạch, đồng bộ dữ liệu định kỳ.

5. Ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết về quy trình, mẫu phiếu, định dạng dữ liệu, tần suất chia sẻ, quy trình quản lý tài khoản và các nội dung kỹ thuật khác phục vụ thi hành Quy định này.

6. Chủ trì xây dựng, ban hành và thống nhất danh mục dữ liệu dùng chung, chuẩn dữ liệu, từ điển dữ liệu chuyên ngành TCXDĐ làm cơ sở kết nối, chia sẻ, liên thông; bảo đảm phù hợp Quyết định 2439/QĐ-TTg, Nghị định 278/2025/NĐ-CP.

7. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc chấp hành Quy định này; khi cần thiết, yêu cầu các cơ quan có nhu cầu kết nối, khai thác dữ liệu cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu, nhật ký hệ thống và các dữ liệu liên quan phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá.

8. Phân công cụ thể các vụ, cục, đơn vị thuộc Ban thực hiện các nhiệm vụ nêu trên theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực phụ trách bằng văn bản riêng của Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 33. Văn phòng Trung ương Đảng

1. Chủ trì bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, đường truyền, Trung tâm dữ liệu các cơ quan Đảng phục vụ hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng.

2. Thực hiện kết nối, tạm ngừng, chấm dứt kết nối Hệ thống thông tin Tổ chức xây dựng Đảng với cơ sở dữ liệu các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương.

3. Bảo đảm an ninh mạng đối với hạ tầng dùng chung của các cơ quan Đảng.

Điều 34. Bộ Công an

1. Phối hợp Văn phòng Trung ương Đảng và Ban Tổ chức Trung ương triển khai kết nối, chia sẻ, liên thông giữa Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Cung cấp dịch vụ chia sẻ, xác thực, làm sạch dữ liệu định danh, dữ liệu nhân thân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ đối soát, làm sạch dữ liệu đảng viên.

3. Phối hợp bảo đảm an ninh mạng trong quá trình liên thông.

4. Tham gia đối soát chéo dữ liệu định kỳ; phối hợp xử lý xung đột dữ liệu phát sinh.

Điều 35. Bộ Nội vụ

1. Phối hợp Văn phòng Trung ương Đảng và Ban Tổ chức Trung ương triển khai kết nối, chia sẻ, liên thông giữa Cơ sở dữ liệu cán bộ (thuộc HTTT TCXDĐ) với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

2. Cung cấp dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đối soát, tra cứu và thực hiện các nghiệp vụ về công tác cán bộ; tiếp nhận dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên và Cơ sở dữ liệu cán bộ (thuộc HTTT TCXDĐ) để cập nhật, đồng bộ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

3. Phối hợp xây dựng, thống nhất chuẩn dữ liệu, danh mục dùng chung về cán bộ, công chức, viên chức.

4. Tham gia đối soát chéo dữ liệu định kỳ; phối hợp xử lý xung đột dữ liệu phát sinh.

Điều 36. Ban Cơ yếu Chính phủ

1. Chủ trì tổ chức triển khai các giải pháp, sản phẩm bảo mật, ký số, xác thực và bảo đảm an ninh mạng phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu Mức 3 và dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước trong Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng; hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn quản lý, tích hợp, sử dụng các giải pháp, sản phẩm bảo mật, ký số, xác thực.

2. Phối hợp triển khai chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.

3. Phối hợp kiểm tra, đánh giá an toàn, bảo mật đối với các giải pháp bảo mật, sản phẩm mật mã được áp dụng trong Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng.

Điều 37. Các cơ quan tiếp nhận dữ liệu

1. Quản lý, sử dụng dữ liệu được chia sẻ đúng mục đích, đúng phạm vi, đúng đối tượng đã được Ban Tổ chức Trung ương chấp thuận; không chia sẻ lại cho bên thứ ba khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Ban Tổ chức Trung ương.

2. Bảo đảm các điều kiện về an ninh mạng; xác định và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin (tối thiểu cấp độ 3) trước khi kết nối; tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ.

3. Phối hợp cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu và thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý các tồn tại, nguy cơ mất an toàn thông tin, an ninh mạng theo yêu cầu của Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan chức năng có liên quan.

4. Quản lý chặt chẽ tài khoản kết nối, thông báo cho Ban Tổ chức Trung ương khi không còn sử dụng.

5. Phản ánh kịp thời các sai lệch, vướng mắc về dữ liệu; không tự ý chỉnh sửa dữ liệu nhận được từ Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng.

6. Chấp hành chế độ báo cáo, lưu trữ, bảo mật theo quy định; cử đầu mối phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương.

7. Chịu trách nhiệm theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước nếu vi phạm các cam kết về kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Điều 38. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý dữ liệu trong Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng

1. Quán triệt, phổ biến và tổ chức thực hiện Quy định này trong phạm vi quản lý.

2. Bảo đảm cập nhật dữ liệu đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức khối Đảng đầy đủ, chính xác, kịp thời để phục vụ chia sẻ "đúng, đủ, sạch, sống".

3. Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương trong quá trình đối soát, làm sạch, xử lý xung đột dữ liệu khi có yêu cầu.

Điều 39. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Điều 40. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn nhưng có hiệu lực sau ngày Quy định này được ban hành, việc áp dụng thực hiện kể từ thời điểm văn bản đó có hiệu lực.

3. Văn phòng Ban chủ trì, phối hợp với các vụ, cục, đơn vị trong Ban hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Ban Tổ chức Trung ương để xử lý, giải quyết theo quy định.

Nơi nhận:
- BCĐTW về KH, CN, ĐMST và CĐS;
- BCĐ CĐS trong các CQ Đảng;
- Các đồng chí Lãnh đạo Ban;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các cơ quan, ban đảng ở Trung ương;
- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TW;
- Bộ Công an, Bộ Nội vụ;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Các ban tổ chức tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương;
- Các vụ, cục, đơn vị trong Ban;
- Lưu VP, P. CNTT&CĐS.

TRƯỞNG BAN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN TỔ CHỨC
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Duy Ngọc

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC TRƯỜNG THÔNG TIN CHIA SẺ TỪ CƠ SỞ DỮ LIỆU TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN

Chú thích mức độ chia sẻ:

Mức 1 - Chia sẻ cơ bản;

Mức 2 - Chia sẻ có điều kiện;

Mức 3 - Chia sẻ đặc biệt.

STT	Trường thông tin	Mức độ chia sẻ	Ghi chú / Đối chiếu nguồn
I. Thông tin tổ chức cơ sở đảng			
1	Mã, tên tổ chức đảng	Mức 1	
2	Phân loại, loại hình tổ chức đảng (loại tổ chức, nhóm đơn vị, phân loại chi tiết, loại hình, phân loại thành lập)	Mức 1	
3	Đơn vị cấp trên trực tiếp; đơn vị quản lý dữ liệu hiện tại	Mức 1	
4	Tình trạng hiệu lực	Mức 1	
5	Ngày hiệu lực, ngày hết hiệu lực	Mức 2	
6	Lịch sử thay đổi tổ chức đảng	Mức 2	
II. Thông tin định danh			
7	Số định danh cá nhân/căn cước (khóa liên kết); số hộ chiếu	Mức 1	*Đối chiếu CSDL QG về dân cư*
8	Họ và tên khai sinh, tên gọi khác, giới tính, ngày sinh, dân tộc, tôn giáo	Mức 1	*Đồng bộ CSDL QG về dân cư*
9	Ảnh đảng viên	Mức 1	
10	Đối tượng chính sách	Mức 1	*Đối chiếu CSDL QG về CBCCVC*
III. Thông tin đảng tịch			
11	Số lý lịch đảng viên; số thẻ đảng viên; số thẻ đảng cũ (theo QĐ85)	Mức 2	*Số thẻ đảng viên là số định danh cá nhân*
12	Đơn vị sinh hoạt đảng (chi bộ); chi bộ sinh hoạt tạm thời	Mức 2	*CSDL tổ chức đảng, đảng viên*
13	Chức vụ đảng hiện nay, chức vụ đảng kiêm nhiệm	Mức 2	*CSDL tổ chức đảng, đảng viên*

14	Tình trạng đảng viên	Mức 2	
15	Quá trình kết nạp (ngày vào Đảng, ngày QĐ kết nạp, ngày vào Đảng chính thức, nơi kết nạp, nơi công nhận chính thức)	Mức 2	*CSDL tổ chức đảng, đảng viên*
16	Người giới thiệu vào Đảng (họ tên, chức vụ/đơn vị); tổ chức giới thiệu	Mức 2	
17	Đang sinh hoạt đảng ở nước ngoài	Mức 2	
18	Miễn, gián đoạn, đình chỉ sinh hoạt đảng (ngày miễn, ngày gián đoạn, ngày đình chỉ, tổng thời gian gián đoạn)	Mức 2	
19	Chuyển sinh hoạt đảng (ngày chuyển, hình thức, nơi đến)	Mức 2	
20	Cấp thẻ đảng (ngày cấp, nơi cấp)	Mức 2	
IV. Thông tin cá nhân			
21	Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay (nhóm nghề nghiệp, nghề nghiệp chi tiết, chức vụ chính quyền, chức vụ đoàn thể, chức vụ doanh nghiệp/ĐVSN)	Mức 2	*CSDL QG về CBCCVC*
22	Tuyển dụng lần đầu (ngày, cơ quan tuyển dụng)	Mức 2	*CSDL QG về CBCCVC*
23	Trình độ học vấn, chuyên môn (lớp tốt nghiệp phổ thông, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chuyên ngành đào tạo, học vị, học hàm)	Mức 2	
24	Trình độ lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học	Mức 2	
25	Tình trạng sức khỏe (tình trạng chung, chi tiết; thương binh/bệnh binh - hạng)	Mức 2	
26	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (ngày vào, nơi vào)	Mức 2	
27	Tham gia tổ chức chính trị - xã hội (tên tổ chức)	Mức 2	
28	Lực lượng vũ trang (ngày nhập ngũ, ngày xuất ngũ/chuyển ngành, quân hàm cao nhất)	Mức 2	
29	Tham gia hoạt động tôn giáo	Mức 2	
V. Địa chỉ			

30	Địa chỉ (nơi đăng ký khai sinh, quê quán, nơi thường trú, nơi tạm trú, nơi ở hiện tại; kèm theo địa danh cũ)	Mức 2	*Đồng bộ CSDL QG về dân cư*
VI. Trang thông tin cá nhân			
31	Số điện thoại, email đăng ký mạng xã hội	Mức 2	
32	Trang thông tin, mạng xã hội (loại thông tin, loại mạng xã hội, tên trang/blog/tài khoản)	Mức 2	
VII. Quá trình công tác			
33	Quá trình công tác (thời gian từ - đến, loại giai đoạn, hoạt động/công việc, cơ quan/đơn vị công tác, chức danh/chức vụ, chức vụ Đảng cao nhất, quốc gia nếu công tác nước ngoài)	Mức 2	*CSDL QG về CBCCVC*
VIII. Quá trình đào tạo			
34	Quá trình đào tạo (phân loại, cơ sở đào tạo, ngành/lớp học, thời gian từ - đến, hình thức, trình độ, văn bằng/chứng chỉ, quốc gia đào tạo, ngoại ngữ/tiếng dân tộc được đào tạo)	Mức 2	
IX. Kỷ luật			
35	Kỷ luật về Đảng (loại, hình thức, năm, số và ngày quyết định, cơ quan quyết định, lý do/nội dung vi phạm)	Mức 2	
X. Khen thưởng			
36	Khen thưởng (năm, số và ngày quyết định, hình thức, cơ quan quyết định, lý do/thành tích, danh hiệu thi đua, danh hiệu được phong tặng)	Mức 2	
37	Huy hiệu Đảng (loại, năm nhận, số huy hiệu, số và ngày quyết định, cơ quan quyết định)	Mức 2	
XI. Đánh giá, xếp loại			
38	Đánh giá, xếp loại đảng viên hằng năm (năm, loại, mức)	Mức 2	
XII. Đặc điểm lịch sử			

39	Ra khỏi Đảng (ngày, hình thức, lý do, chi bộ)	Mức 2	*CSDL tổ chức đảng, đảng viên*
40	Kết nạp lại lần hai (ngày vào Đảng, nơi kết nạp lại, ngày chính thức, người giới thiệu)	Mức 2	*CSDL tổ chức đảng, đảng viên*
41	Khôi phục đảng tịch (ngày, chi bộ/cơ quan, lý do, cấp ủy quyết định)	Mức 2	
42	Bản thân làm việc trong chế độ cũ	Mức 2	
43	Bị xử lý theo pháp luật (tiền án, tiền sự)	Mức 3	
XIII. Quan hệ gia đình			
44	Quan hệ gia đình (bên bản thân/vợ-chồng, mối quan hệ, họ tên, ngày sinh, số định danh, quốc tịch, quê quán, nơi ở hiện tại, nghề nghiệp/chức vụ, tình trạng và năm chết/mất tích)	Mức 2	*Đối chiếu CSDL QG về dân cư; nghề nghiệp/chức vụ đối chiếu CSDL CBCCVC*
XIV. Hoàn cảnh kinh tế			
45	Thu nhập (tổng thu nhập hộ gia đình, thu nhập bình quân đầu người, thu nhập khác ngoài lương, hoạt động kinh tế, số lao động thuê mướn)	Mức 3	
46	Nhà, đất, tài sản (loại và diện tích nhà ở, diện tích đất ở, diện tích đất SXKD/trang trại, tài sản giá trị lớn)	Mức 3	
XV. Đảng viên có yếu tố nước ngoài			
47	Ra nước ngoài học tập (cơ quan cử đi, số hộ chiếu, kinh phí, địa chỉ lưu trú, hoạt động ở nước ngoài)	Mức 3	
48	Ra nước ngoài về việc riêng hoặc theo lời mời của cá nhân/tổ chức nước ngoài (mục đích, số hộ chiếu, thời gian, địa chỉ lưu trú, nguồn kinh phí, hoạt động ở nước ngoài)	Mức 3	
49	Cộng tác, làm việc với cá nhân, tổ chức nước ngoài ở trong và ngoài nước (thời gian, mục đích, nội dung, tổ chức/cá nhân nước ngoài, tiền lương, thù lao)	Mức 3	

50	Cho cá nhân, tổ chức nước ngoài thuê tài sản (loại tài sản, địa chỉ, bên thuê, thời gian, mục đích, giá trị)	Mức 3	
51	Nhận huân chương, huy chương, giải thưởng, học hàm, học vị hoặc danh hiệu khác ở nước ngoài (quốc gia, tổ chức trao tặng, loại, lý do, tiền/hiện vật kèm theo)	Mức 3	
52	Nhận tiền, hàng, hiện vật từ cá nhân, tổ chức nước ngoài (tổ chức/cá nhân tặng, loại quà tặng, giá trị, lý do, hình thức nhận, quan hệ với bên tặng)	Mức 3	
53	Đầu tư liên kết, kinh doanh với tổ chức, cá nhân người nước ngoài (tổ chức/cá nhân nước ngoài, lĩnh vực, thời hạn, giá trị đầu tư)	Mức 3	
54	Chuyển tiền, tài sản ra nước ngoài (thời gian, hình thức, mục đích, tài khoản chuyển/nhận, giá trị, quốc gia, người nhận)	Mức 3	
55	Vợ hoặc chồng, con đang học tập ở nước ngoài (họ tên, mối quan hệ, số hộ chiếu, cơ sở đào tạo, địa chỉ lưu trú, kinh phí, thời gian, ngành đào tạo)	Mức 3	
56	Thân nhân lãnh đạo, quản lý làm việc với cá nhân, tổ chức nước ngoài ở trong và ngoài nước (họ tên, mối quan hệ, thời gian, tổ chức/cá nhân nước ngoài, nội dung, mục đích, tiền lương, thù lao)	Mức 3	
57	Thân nhân lãnh đạo, quản lý liên doanh, liên kết, đầu tư với tổ chức, cá nhân người nước ngoài (họ tên, mối quan hệ, tổ chức/cá nhân nước ngoài, thời gian, thời hạn, giá trị đầu tư)	Mức 3	

58	Thân nhân lãnh đạo, quản lý có tài sản ở nước ngoài (họ tên, mối quan hệ, loại tài sản, giá trị, nguồn gốc, thời gian, địa chỉ tài sản)	Mức 3	
XVI. Thông tin in thẻ đảng viên			
59	Dữ liệu in thẻ đảng viên (số định danh, họ tên, tên gọi khác, ngày sinh, giới tính, dân tộc, tôn giáo, ngày vào Đảng, ngày chính thức, số thẻ cũ, chi bộ sinh hoạt, nơi cấp/ngày cấp thẻ, ảnh thẻ)	Mức 2	
60	Dữ liệu thẻ tổ chức đảng phục vụ phân lô phát thẻ (tên tổ chức, nhóm tổ chức, đơn vị cấp trên, ngày thành lập/kết thúc, tình trạng hiệu lực, tổ chức quản lý dữ liệu)	Mức 2	

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC TRƯỜNG THÔNG TIN CHIA SẺ TỪ CƠ SỞ DỮ LIỆU CÁN BỘ

Chú thích mức độ chia sẻ:

Mức 1 - Chia sẻ cơ bản;

Mức 2 - Chia sẻ có điều kiện;

Mức 3 - Chia sẻ đặc biệt.

STT	Trường thông tin	Mức độ chia sẻ	Ghi chú / Đối chiếu nguồn
I. Thông tin cơ quan, tổ chức khối đảng			
1	Cơ quan, tổ chức khối đảng (tên cơ quan, cơ quan cấp trên; địa chỉ; thông tin biên chế; ngày hiệu lực, trạng thái hiệu lực)	Mức 1	
II. Thông tin cơ bản, định danh			
2	Số định danh cá nhân/CCCD; số hiệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động	Mức 1	*Đối chiếu CSDL QG về dân cư*
3	Họ và tên khai sinh, tên gọi khác, giới tính, ngày sinh, dân tộc, tôn giáo	Mức 1	*Đồng bộ CSDL QG về dân cư*
4	Mã số bảo hiểm xã hội, mã thẻ bảo hiểm y tế	Mức 1	
5	Nơi sinh, quê quán, nơi ở hiện nay	Mức 2	*Đối chiếu CSDL QG về dân cư*
6	Điện thoại liên hệ, địa chỉ thư điện tử	Mức 2	
7	Thành phần gia đình xuất thân, đối tượng chính sách	Mức 2	
III. Trang thông tin cá nhân			
8	Số điện thoại, email đăng ký mạng xã hội	Mức 2	
9	Trang thông tin, mạng xã hội (loại thông tin, loại mạng xã hội, tên trang/blog/tài khoản)	Mức 2	
IV. Quan hệ gia đình			

10	Quan hệ gia đình (bên bản thân/vợ-chồng, mối quan hệ, họ tên, ngày sinh, quê quán, nơi ở hiện nay, nghề nghiệp, chức vụ, cơ quan công tác, cơ sở học tập/đào tạo)	Mức 2	*Đối chiếu CSDL QG về dân cư*
V. Lịch sử bản thân			
11	Bị bắt, giam giữ, tù (vi phạm, thời gian từ - đến, nơi bị bắt/tù)	Mức 3	
12	Tham gia tổ chức (tên tổ chức, lĩnh vực hoạt động, trụ sở, thời gian tham gia, chức danh/chức vụ, công việc/nhiệm vụ)	Mức 3	
13	Tham gia tổ chức chính trị - xã hội (tên tổ chức, thời gian từ - đến, địa chỉ, công việc đã làm)	Mức 3	
VI. Tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, thôi việc, nghỉ hưu			
14	Tuyển dụng (nghề nghiệp trước tuyển dụng; ngày, cơ quan tuyển dụng lần đầu; vị trí được tuyển dụng/bầu cử/bổ nhiệm; ngày vào cơ quan hiện công tác)	Mức 2	
15	Đơn vị, chức vụ hiện tại (đơn vị quản lý, đơn vị sử dụng, chức vụ hiện tại, ngày bổ nhiệm, chức vụ kiêm nhiệm, công việc làm lâu nhất)	Mức 2	
16	Quy hoạch (chức danh, chức vụ được quy hoạch)	Mức 2	
17	Điều động, luân chuyển, biệt phái (cơ quan điều động, cơ quan tiếp nhận; số, ngày quyết định; thời hiệu lực từ - đến; file quyết định)	Mức 2	
18	Thôi việc, nghỉ hưu (ngày, quyết định, lý do, file quyết định)	Mức 2	
VII. Học vấn, trình độ, đào tạo, bồi dưỡng			
19	Học hàm, học vị (chức danh khoa học và năm công nhận; học vị cao nhất và năm công nhận; ngành/lĩnh vực)	Mức 2	*Đối chiếu CSDL giáo dục*

20	Quá trình đào tạo, bồi dưỡng (thời gian từ - đến, chuyên ngành, cơ sở đào tạo, hình thức; văn bằng/chứng chỉ: tên, số hiệu, ngày cấp)	Mức 2	*Đối chiếu CSDL giáo dục*
VIII. Công tác, ngạch bậc lương, khen thưởng, kỷ luật			
21	Quá trình công tác (thời gian từ - đến, cơ quan, đơn vị công tác, chức vụ)	Mức 2	*Chức vụ đối chiếu CSDL QG về CBCCVC*
22	Ngạch, bậc lương (tên ngạch, ngày vào ngạch, bậc lương, hệ số, % hưởng, lương theo vị trí việc làm, ngày hưởng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung và ngày hưởng)	Mức 2	*Tên ngạch đối chiếu CSDL QG về CBCCVC*
23	Phụ cấp (loại phụ cấp, giá trị, thời gian hưởng từ - đến)	Mức 2	
24	Thi đua, khen thưởng (khối/cấp khen thưởng, năm, hình thức, thành tích; số, ngày quyết định; cơ quan ban hành; quyết định khen thưởng/phong tặng)	Mức 2	
25	Kỷ luật (Đảng/hành chính, cơ quan ra quyết định, hình thức, vi phạm/khuyết điểm, thời gian bị kỷ luật từ - đến; số, ngày quyết định; cơ quan ban hành; quyết định kỷ luật)	Mức 2	
IX. Tham gia tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội			
26	Tham gia Đảng (ngày vào Đảng, ngày chính thức, chức vụ Đảng hiện tại, chức vụ Đảng kiêm nhiệm, ngày được bầu chức vụ)	Mức 2	*Chức vụ Đảng đồng bộ CSDL tổ chức đảng, đảng viên*
27	Tham gia tổ chức chính trị - xã hội (tên tổ chức, ngày tham gia, chức vụ hiện tại, quyết định phê chuẩn)	Mức 2	
X. Tham gia lực lượng vũ trang			
28	Tham gia lực lượng vũ trang (ngày tham gia, ngày ra khỏi, quân hàm cao nhất)	Mức 2	
XI. Tài sản, thu nhập			

29	Kê khai tài sản, thu nhập (ngày kê khai; tổng thu nhập gia đình; thu nhập từ lương và thu nhập khác; nhà ở; đất ở; đất sản xuất kinh doanh)	Mức 3	*Phối hợp UBKTTW, Thanh tra Chính phủ*
XII. Thông tin sức khỏe			
30	Thông tin sức khỏe (chiều cao, cân nặng, nhóm máu, tình trạng sức khỏe)	Mức 2	
XIII. Đi nước ngoài vì việc riêng			
31	Đi nước ngoài vì việc riêng (thời gian từ - đến, quốc gia, mục đích)	Mức 2	
XIV. Cán bộ có yếu tố nước ngoài			
32	Ra nước ngoài học tập (cơ quan cử đi, số hộ chiếu, kinh phí, địa chỉ lưu trú, hoạt động ở nước ngoài)	Mức 3	
33	Ra nước ngoài về việc riêng hoặc theo lời mời của cá nhân/tổ chức nước ngoài (mục đích, số hộ chiếu, thời gian, địa chỉ lưu trú, nguồn kinh phí, hoạt động ở nước ngoài)	Mức 3	
34	Cộng tác, làm việc với cá nhân, tổ chức nước ngoài ở trong và ngoài nước (thời gian, mục đích, nội dung, tổ chức/cá nhân nước ngoài, tiền lương, thù lao)	Mức 3	
35	Cho cá nhân, tổ chức nước ngoài thuê tài sản (loại tài sản, địa chỉ, bên thuê, thời gian, mục đích, giá trị)	Mức 3	
36	Nhận huân chương, huy chương, giải thưởng, học hàm, học vị hoặc danh hiệu khác ở nước ngoài (quốc gia, tổ chức trao tặng, loại, lý do, tiền/hiện vật kèm theo)	Mức 3	
37	Nhận tiền, hàng, hiện vật từ cá nhân, tổ chức nước ngoài (tổ chức/cá nhân tặng, loại quà tặng, giá trị, lý do, hình thức nhận, quan hệ với bên tặng)	Mức 3	
38	Đầu tư liên kết, kinh doanh với tổ chức, cá nhân người nước ngoài (tổ chức/cá nhân nước ngoài, lĩnh vực, thời hạn, giá trị đầu tư)	Mức 3	

39	Chuyển tiền, tài sản ra nước ngoài (thời gian, hình thức, mục đích, tài khoản chuyển/nhận, giá trị, quốc gia, người nhận)	Mức 3	
40	Vợ hoặc chồng, con đang học tập ở nước ngoài (họ tên, mối quan hệ, số hộ chiếu, cơ sở đào tạo, địa chỉ lưu trú, kinh phí, thời gian, ngành đào tạo)	Mức 3	
41	Thân nhân lãnh đạo, quản lý làm việc với cá nhân, tổ chức nước ngoài ở trong và ngoài nước (họ tên, mối quan hệ, thời gian, tổ chức/cá nhân nước ngoài, nội dung, mục đích, tiền lương, thù lao)	Mức 3	
42	Thân nhân lãnh đạo, quản lý liên doanh, liên kết, đầu tư với tổ chức, cá nhân người nước ngoài (họ tên, mối quan hệ, tổ chức/cá nhân nước ngoài, thời gian, thời hạn, giá trị đầu tư)	Mức 3	
43	Thân nhân lãnh đạo, quản lý có tài sản ở nước ngoài (họ tên, mối quan hệ, loại tài sản, giá trị, nguồn gốc, thời gian, địa chỉ tài sản)	Mức 3	

PHỤ LỤC III
DANH MỤC CÁC TRƯỜNG THÔNG TIN CHIA SẺ TỪ CSDL SỨC KHỎE CÁN BỘ THEO PHÂN CẤP QUẢN LÝ

Chú thích mức độ chia sẻ:

Mức 1 - Chia sẻ cơ bản;

Mức 2 - Chia sẻ có điều kiện;

Mức 3 - Chia sẻ đặc biệt.

STT	Trường thông tin	Mức độ chia sẻ	Ghi chú / Đối chiếu nguồn
I. Thông tin hành chính của hồ sơ			
1	Mã hồ sơ sức khỏe cán bộ	Mức 2	
2	Họ tên, ngày sinh, giới tính	Mức 2	*CSDL QG dân cư*
3	Số CCCD	Mức 2	*CSDL QG dân cư*
4	Đơn vị khám, cơ quan công tác	Mức 2	
5	Tình trạng công tác	Mức 2	
II. Kết quả phân loại sức khỏe tổng quát			
6	Kết luận phân loại sức khỏe tổng quát	Mức 3	
7	Ngày khám phân loại sức khỏe gần nhất	Mức 2	
8	Cơ quan kết luận phân loại	Mức 3	
III. Thông tin khám, điều trị chi tiết			
9	Thói quen sinh hoạt, tiền sử mắc bệnh, tiền sử gia đình	Mức 3	
10	Triệu chứng, kết quả khám lâm sàng (toàn thân, tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, xương khớp, nội tiết, thần kinh, ngoại khoa, da liễu, RHM, TMH, mắt)	Mức 3	
11	Kết quả siêu âm, điện tâm đồ, Xquang, chụp CT, MRI, PET-CT, đo độ mật xương	Mức 3	
12	Kết quả xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng	Mức 3	

13	Kết luận bệnh, mã bệnh ICD-10, mã bệnh kèm theo	Mức 3	
14	Phương án điều trị, phục hồi chức năng	Mức 3	
15	Nhóm máu	Mức 2	
IV. Thông tin bảo hiểm y tế			
16	Mã thẻ BHYT, thời hạn, nơi đăng ký KCB ban đầu	Mức 2	*CSDL BHXH*
V. Thông tin người liên lạc khi cần			
17	Họ tên, số điện thoại, email, địa chỉ người liên lạc	Mức 2	

PHỤ LỤC IV
DANH MỤC CÁC TRƯỜNG THÔNG TIN CHIA SẺ TỪ CƠ SỞ DỮ LIỆU BẢO VỆ CHÍNH TRỊ NỘI BỘ

Chú thích mức độ chia sẻ:

Mức 1 - Chia sẻ cơ bản;

Mức 2 - Chia sẻ có điều kiện;

Mức 3 - Chia sẻ đặc biệt.

STT	Trường thông tin	Mức độ chia sẻ	Ghi chú / Đối chiếu nguồn
I. Thông tin hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ			
1	Mã hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ	Mức 3	
2	CCCD, Họ và tên, Đơn vị của cán bộ được lập hồ sơ	Mức 3	
3	Thông tin mô tả, file đính kèm	Mức 3	
4	Người phê duyệt tại đơn vị	Mức 3	
5	Nhóm thông tin cá nhân mẫu 2C	Mức 2	
6	Nhóm thông tin BVCTNB	Mức 3	
7	Lịch sử chỉnh sửa	Mức 3	
8	Lý do từ chối (nếu có)	Mức 3	
II. Thông tin yêu cầu khai thác hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ			
9	Mã yêu cầu	Mức 3	
10	Họ và tên, đơn vị của người yêu cầu	Mức 3	
11	Thời gian khai thác từ, thời gian khai thác đến, Mục đích khai thác	Mức 3	
12	Danh mục hồ sơ cần khai thác	Mức 3	
13	Lý do từ chối (nếu có)	Mức 3	
III. Thông tin trao đổi, hướng dẫn thẩm định, thẩm tra xác minh kết luận tiêu chuẩn chính trị			
14	Mã đề xuất	Mức 3	
15	Lý do, nội dung đề nghị trả lời, tài liệu đính kèm	Mức 3	
16	Lý do từ chối (nếu có)	Mức 3	
17	Độ mật hồ sơ, cấp duyệt hồ sơ	Mức 3	
18	Đơn vị tiếp nhận, cơ quan ban hành, đơn vị trình duyệt	Mức 3	

19	Người đề xuất, đơn vị đề xuất	Mức 3	
20	Danh sách hồ sơ đề xuất thẩm định	Mức 3	
IV. Kết quả trao đổi, hướng dẫn thẩm định, thẩm tra xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị			
21	Nội dung trao đổi, hướng dẫn của đơn vị	Mức 3	
22	Tài liệu đính kèm	Mức 3	
V. Thông tin kết luận tiêu chuẩn chính trị			
23	Mã đề xuất	Mức 3	
24	Lý do đề xuất, tài liệu đính kèm	Mức 3	
25	Lý do từ chối (nếu có)	Mức 3	
26	Độ mật hồ sơ, cấp duyệt hồ sơ	Mức 3	
27	Cơ quan ban hành, đơn vị trình duyệt	Mức 3	
28	Người đề xuất, đơn vị đề xuất	Mức 3	
29	Danh sách hồ sơ đề xuất	Mức 3	
30	Nhóm thông tin kết luận theo PL06, PL07	Mức 3	
VI. Thông tin báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ chính trị nội bộ			
31	Mã báo cáo	Mức 3	
32	Tên báo cáo	Mức 3	
33	Lý do từ chối (nếu có)	Mức 3	
34	File đính kèm	Mức 3	
35	Cơ quan ban hành, đơn vị tiếp nhận	Mức 3	
36	Người báo cáo, đơn vị báo cáo	Mức 3	
37	Nhóm thông tin tình hình liên quan công tác bảo vệ chính trị nội bộ	Mức 3	
38	Nhóm thông tin kết quả thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ	Mức 3	
39	Nhóm thông tin hạn chế, tồn tại và nguyên nhân	Mức 3	
40	Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp	Mức 3	
41	Khó khăn, vướng mắc, kiến nghị đề xuất	Mức 3	
42	Thống kê số liệu kèm theo	Mức 3	

PHỤ LỤC V
DANH MỤC CÁC TRƯỜNG THÔNG TIN CHIA SẺ TỪ CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ

Chú thích mức độ chia sẻ:

Mức 1 - Chia sẻ cơ bản;

Mức 2 - Chia sẻ có điều kiện;

Mức 3 - Chia sẻ đặc biệt.

STT	Trường thông tin	Mức độ chia sẻ	Ghi chú / Đối chiếu nguồn
I. Thông tin về chương trình, lớp đào tạo, bồi dưỡng			
1	Mã lớp, tên lớp đào tạo, bồi dưỡng	Mức 2	
2	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng	Mức 2	
3	Hệ đào tạo, bồi dưỡng	Mức 2	
4	Mã, tên cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	Mức 2	
5	Mục tiêu, nội dung lớp	Mức 2	
6	Thời gian từ - đến	Mức 2	
7	Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng	Mức 2	
8	Chi phí đào tạo, bồi dưỡng	Mức 2	
9	Người phụ trách, địa điểm	Mức 2	
II. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng (của từng cán bộ)			
10	Loại hình đào tạo, hình thức đào tạo	Mức 2	*CSDL CBCC khối Đảng*
11	Thời gian từ tháng/năm - đến tháng/năm	Mức 2	
12	Chuyên ngành đào tạo, trình độ, xếp loại	Mức 2	
13	Số văn bằng, chứng chỉ	Mức 2	*CSDL Giáo dục*
14	Cơ sở đào tạo (đối với cán bộ)	Mức 2	
15	Đánh giá sau đào tạo	Mức 2	
III. Báo cáo tổng kết, kế hoạch			
16	Báo cáo tổng kết địa phương (mã báo cáo, năm, kết quả)	Mức 2	
17	Báo cáo tổng hợp các đơn vị	Mức 2	
18	Số lượng học viên tập trung / không tập trung	Mức 2	
19	Kế hoạch số lượng học viên năm tiếp theo	Mức 2	

20	Tỷ lệ đào tạo theo địa phương, lĩnh vực, chức danh	Mức 2	
IV. Đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài			
21	Báo cáo kế hoạch, chương trình đào tạo nước ngoài	Mức 2	
22	Năm kế hoạch, mục tiêu, chuyên ngành đào tạo NN	Mức 2	
23	Quốc gia, trường đào tạo, cán bộ phụ trách	Mức 2	
24	Khóa bồi dưỡng, nguồn ngân sách	Mức 2	
25	Đề xuất địa phương cử cán bộ đi ĐT, BD nước ngoài	Mức 2	
26	Đào tạo nước ngoài đối với cán bộ diện TW quản lý hoặc liên quan công tác đặc biệt	Mức 3	

PHỤ LỤC VI
DANH MỤC CÁC TRƯỜNG THÔNG TIN CHIA SẺ TỪ CƠ SỞ DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Chú thích mức độ chia sẻ:

Mức 1 - Chia sẻ cơ bản ;

Mức 2 - Chia sẻ có điều kiện;

Mức 3 - Chia sẻ đặc biệt.

STT	Trường thông tin	Mức độ chia sẻ	Ghi chú / Đối chiếu nguồn
I. Thông tin đề xuất, đề tài			
1	Mã phiếu đề xuất, đơn vị lập, ngày lập	Mức 2	
2	Cấp của đề xuất, năm đề xuất	Mức 2	
3	Tên nhiệm vụ, loại hình nhiệm vụ	Mức 2	
4	Tính cấp thiết, mục tiêu nhiệm vụ	Mức 2	
5	Dự kiến kết quả và chỉ tiêu cần đạt	Mức 2	
6	Phương án ứng dụng, hiệu quả mang lại	Mức 2	
7	Dự kiến kinh phí, thời gian thực hiện	Mức 2	
8	Danh mục tài liệu tham khảo	Mức 2	
9	Tên, mã định danh, thông tin liên hệ của tổ chức, cá nhân chủ trì	Mức 2	
10	Lý do điều chỉnh	Mức 2	
II. Phiếu xin ý kiến của đề tài, đề xuất			
11	Số phiếu xin ý kiến, ngày xin ý kiến, năm/đợt đăng ký	Mức 2	
12	Chủ nhiệm đơn vị	Mức 2	
13	Số lượng phiếu đề xuất có trong phiếu xin ý kiến	Mức 2	
III. Nội dung xin ý kiến từ thành viên hội đồng khoa học			
14	Thành viên hội đồng khoa học (họ tên, chức vụ, đơn vị, chức danh trong HĐ)	Mức 2	
15	Ý kiến thành viên HĐKH (đồng ý/không đồng ý)	Mức 2	
16	Yêu cầu bổ sung, điều chỉnh từ HĐKH	Mức 2	
IV. Thông tin của hội đồng khoa học mặc định			
17	Họ tên thành viên trong hội đồng	Mức 2	

18	Chức vụ, đơn vị của thành viên trong hội đồng	Mức 2	
19	Chức danh trong hội đồng	Mức 2	
V. Thông tin các thành viên được tạo			
20	Số căn cước công dân, họ và tên, giới tính, chức vụ của thành viên HĐKH	Mức 2	
21	Mã Chức danh trong HĐKH	Mức 2	
22	Số hợp đồng	Mức 2	
VI. Thông tin hội thảo, tọa đàm khoa học			
23	Mã phiếu hội thảo, chủ đề, mục tiêu	Mức 2	
24	Mã đơn vị đề xuất	Mức 2	
25	Ngày lập, cấp, năm đề xuất	Mức 2	
26	Căn cứ đề xuất, tính cấp thiết của Hội thảo, tọa đàm	Mức 2	
27	Dự kiến các danh mục các chủ đề cần thực hiện	Mức 2	
28	Đơn vị phối hợp, địa điểm, thời gian	Mức 2	
29	Kinh phí, danh mục sản phẩm dự kiến	Mức 2	
30	Tên, số định danh, thông tin liên hệ tổ chức, cá nhân	Mức 2	
31	Mã người đề xuất	Mức 2	
32	Ngày tạo hội thảo, tọa đàm	Mức 2	
33	Lý do điều chỉnh	Mức 2	
34	Loại hình nhiệm vụ	Mức 2	
35	Ý kiến thành viên HĐKH về hội thảo	Mức 2	
VII. Phiếu xin ý kiến của hội thảo, tọa đàm			
36	Mã phiếu xin ý kiến, ngày tạo phiếu ý kiến, năm/đợt đăng ký	Mức 2	
37	Họ tên chủ nhiệm đơn vị	Mức 2	
38	Số lượng phiếu đề xuất có trong phiếu xin ý kiến	Mức 2	
VIII. Ý kiến chi tiết của các thành viên hội đồng khoa học cho từng hội thảo, tọa đàm			
39	Họ tên thành viên hội đồng khoa học cho ý kiến	Mức 2	
40	Ý kiến thành viên HĐKH (đồng ý/không đồng ý)	Mức 2	
41	Yêu cầu bổ sung, điều chỉnh từ HĐKH	Mức 2	

PHỤ LỤC VII
DANH MỤC TRƯỜNG DỮ LIỆU LIÊN THÔNG
GIỮA CƠ SỞ DỮ LIỆU TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN VỚI
CSDL QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ VÀ CSDL QUỐC GIA VỀ CBCCVC

Chú thích mức độ chia sẻ:

Mức 1 - Chia sẻ cơ bản;

Mức 2 - Chia sẻ có điều kiện;

Mức 3 - Chia sẻ đặc biệt.

Lưu ý: Phụ lục này liệt kê các trường dữ liệu liên thông hai chiều, áp dụng theo nguyên tắc nguồn tin cậy duy nhất tại Điều 16. Trường có ghi chú "đồng bộ TỪ" là dữ liệu Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên tiếp nhận từ nguồn ngoài; trường có ghi chú "chia sẻ ĐẾN" là dữ liệu Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên gửi ra ngoài.

STT	Trường thông tin	Mức độ chia sẻ	Ghi chú / Đối chiếu nguồn
PHẦN A. LIÊN THÔNG VỚI CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ			
A.I. Trường dữ liệu CSDL tổ chức đảng, đảng viên ĐỒNG BỘ TỪ CSDL dân cư (CSDL dân cư là nguồn tin cậy)			
1	Số định danh cá nhân (khóa liên kết)	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL dân cư*
2	Họ và tên khai sinh, tên gọi khác	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL dân cư*
3	Ngày, tháng, năm sinh	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL dân cư*
4	Giới tính	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL dân cư*
5	Dân tộc, tôn giáo, quốc tịch	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL dân cư*
6	Nơi đăng ký khai sinh, quê quán	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL dân cư*
7	Nơi thường trú, nơi tạm trú	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL dân cư*
8	Tình trạng cư trú	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL dân cư*
9	Quan hệ nhân thân (cha, mẹ, vợ/chồng, con)	**Mức 2**	*Đồng bộ từ CSDL dân cư (trong phạm vi cho phép)*

STT	Trường thông tin	Mức độ chia sẻ	Ghi chú / Đối chiếu nguồn
10	Tình trạng còn sống/đã chết; ngày chết	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL dân cư - rất quan trọng để cập nhật trạng thái đảng viên*
11	Số CCCD/CMTND cũ	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL dân cư*
12	Địa danh hành chính cũ (trước sáp nhập)	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL dân cư*
A.II. Trường dữ liệu CSDL tổ chức đảng, đảng viên CHIA SẺ ĐẾN CSDL dân cư			
A.II.1 Thông tin chung đảng viên			
13	Trạng thái đảng viên (chính thức/dự bị)	**Mức 1**	*Chia sẻ đến CSDL dân cư*
14	Trạng thái sinh hoạt đảng (đang sinh hoạt, ra khỏi Đảng, từ trần…)	**Mức 1**	*Chia sẻ đến CSDL dân cư*
15	Ngày vào Đảng, ngày chính thức	**Mức 1**	*Chia sẻ đến CSDL dân cư*
16	Là đảng viên (cờ đảng viên)	**Mức 1**	*Chia sẻ đến CSDL dân cư*
A.II.2 Trang thông tin cá nhân của đảng viên			
17	Đơn vị sinh hoạt đảng (chi bộ); chi bộ sinh hoạt tạm thời	**Mức 2**	*Chia sẻ đến CSDL dân cư*
18	Chức vụ đảng hiện nay, chức vụ đảng kiêm nhiệm	**Mức 2**	*Chia sẻ đến CSDL dân cư*
19	Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay	**Mức 2**	*Chia sẻ đến CSDL dân cư*
20	Số điện thoại, email đăng ký mạng xã hội	**Mức 2**	*Chia sẻ đến CSDL dân cư*
21	Trang thông tin, mạng xã hội (loại thông tin, loại mạng xã hội, tên trang/blog/tài khoản)	**Mức 2**	*Chia sẻ đến CSDL dân cư*

STT	Trường thông tin	Mức độ chia sẻ	Ghi chú / Đối chiếu nguồn
A.II.2 Thông tin in thẻ đảng viên			
22	Dữ liệu in thẻ đảng viên (số định danh, họ tên, tên gọi khác, ngày sinh, giới tính, dân tộc, tôn giáo, ngày vào Đảng, ngày chính thức, số thẻ cũ, chi bộ sinh hoạt, nơi cấp/ngày cấp thẻ, ảnh thẻ)	Mức 2	
23	Dữ liệu thẻ tổ chức đảng phục vụ phân lô phát thẻ (tên tổ chức, nhóm tổ chức, đơn vị cấp trên, ngày thành lập/kết thúc, tình trạng hiệu lực, tổ chức quản lý dữ liệu)	Mức 2	
PHẦN B. LIÊN THÔNG VỚI CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ CBCCVC			
B.I. Trường dữ liệu CSDL tổ chức đảng, đảng viên ĐỒNG BỘ TỪ CSDL QG CBCCVC (đối với đảng viên là CBCCVC)			
24	Chức vụ chính quyền hiện nay	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL QG CBCCVC*
25	Ngày được tuyển dụng, cơ quan tuyển dụng	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL QG CBCCVC*
26	Quá trình công tác (chức danh, thời gian, đơn vị)	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL QG CBCCVC*
27	Vị trí việc làm, ngạch, bậc	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL QG CBCCVC*
28	Trình độ chuyên môn, học hàm, học vị	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL QG CBCCVC*
29	Trình độ lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL QG CBCCVC*
30	Khen thưởng, kỷ luật về chính quyền	**Mức 2**	*Đồng bộ từ CSDL QG CBCCVC*
31	Tình trạng biên chế	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL QG CBCCVC*

STT	Trường thông tin	Mức độ chia sẻ	Ghi chú / Đối chiếu nguồn
32	Đơn vị công tác	**Mức 1**	*Đồng bộ từ CSDL QG CBCCVC*
B.II. Trường dữ liệu CSDL tổ chức đảng, đảng viên CHIA SẺ ĐẾN CSDL QG CBCCVC			
33	Trạng thái đảng viên (đối với CBCCVC là đảng viên)	**Mức 2**	*Chia sẻ đến CSDL QG CBCCVC*
34	Ngày vào Đảng, ngày chính thức	**Mức 2**	*Chia sẻ đến CSDL QG CBCCVC*
35	Chức vụ Đảng hiện nay	**Mức 2**	*Chia sẻ đến CSDL QG CBCCVC*
36	Tổ chức đảng đang sinh hoạt	**Mức 2**	*Chia sẻ đến CSDL QG CBCCVC*
37	Huy hiệu Đảng	**Mức 2**	*Chia sẻ đến CSDL QG CBCCVC*
38	Khen thưởng về Đảng (theo phân cấp)	**Mức 2**	*Chia sẻ đến CSDL QG CBCCVC*
39	Kỷ luật về Đảng (theo phân cấp)	**Mức 2**	*Chia sẻ đến CSDL QG CBCCVC*

Ghi chú chung của các Phụ lục:

1. Danh mục trường thông tin tại các Phụ lục là danh mục khung. Các trường dữ liệu kỹ thuật chi tiết (định dạng, kiểu dữ liệu, độ dài, danh mục giá trị, bảng mã…) được ban hành tại văn bản hướng dẫn riêng của Ban Tổ chức Trung ương.

2. Mức độ chia sẻ có thể được điều chỉnh theo Quyết định chia sẻ dữ liệu cụ thể giữa Ban Tổ chức Trung ương và cơ quan tiếp nhận, phù hợp với mục đích, phạm vi và cơ chế bảo mật.

3. Các trường có ghi chú "Đồng bộ từ" hoặc "Đối chiếu với" CSDL khác chỉ được chia sẻ sau khi đã làm sạch, đối soát thống nhất với nguồn tin cậy duy nhất theo Điều 16 và Điều 25 của Quy định.

4. Văn phòng Ban chủ trì, phối hợp các vụ, cục, đơn vị chủ quản nội dung dữ liệu rà soát, đề xuất cập nhật các Phụ lục định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi có thay đổi về nghiệp vụ, danh mục trường thông tin.

PHỤ LỤC VIII
CÁC MẪU BIỂU

Danh sách các mẫu biểu phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng với cơ sở dữ liệu các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị bao gồm:

STT	Mẫu số	Tên mẫu
1	Mẫu 01	Phiếu đề nghị Kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng.
2	Mẫu 02	Quyết định về việc chấp thuận kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng.
3	Mẫu 03	Biên bản phát hiện xung đột dữ liệu.
4	Mẫu 04	Thông báo Về việc tạm ngừng/chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng.
5	Mẫu 05	Báo cáo Kết quả kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng theo năm.

Mẫu số 01

[TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN] **[TÊN CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ]**	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
Số: /.....	*[Địa danh], ngày tháng năm .....*

PHIẾU ĐỀ NGHỊ

Kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng

-----

Kính gửi: Ban Tổ chức Trung ương.

Căn cứ Quy định số ...-QĐ/BTCTW ngày .../.../2026 của Ban Tổ chức Trung ương về kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của [tên cơ quan đề nghị] theo .....;

[Tên cơ quan đề nghị] đề nghị Ban Tổ chức Trung ương xem xét, chấp thuận việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với các nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN VỀ CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ

1. Tên cơ quan: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Người đứng đầu: .....

4. Đầu mối phối hợp:

a) Lãnh đạo phụ trách: Họ tên ....., chức vụ ....., điện thoại ....., email .....

b) Cán bộ kỹ thuật: Họ tên ....., chức vụ ....., điện thoại ....., email .....

II. MỤC ĐÍCH KẾT NỐI, KHAI THÁC DỮ LIỆU

.....

.....

(Nêu rõ mục đích cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đề nghị)

III. PHẠM VI DỮ LIỆU ĐỀ NGHỊ KHAI THÁC

STT	Phân hệ CSDL	Nhóm dữ liệu	Trường dữ liệu cụ thể	Mức độ chia sẻ (Mức 1/2/3)
1				
2				
...				

IV. PHƯƠNG THỨC KẾT NỐI

1. Hình thức kết nối (đánh dấu vào ô tương ứng):

 API (Giao diện lập trình ứng dụng) - kết nối thời gian thực

 Đồng bộ dữ liệu định kỳ

 Cung cấp báo cáo, sản phẩm phân tích

 Hình thức khác: .....

2. Tần suất kết nối: .....

3. Số lượng giao dịch dự kiến (giao dịch/ngày, tháng): .....

4. Hạ tầng kết nối:

 Mạng truyền số liệu chuyên dùng Nền tảng NDXP Khác: .....

5. Thời gian dự kiến bắt đầu kết nối: .....

V. CAM KẾT CỦA CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ

[Tên cơ quan đề nghị] cam kết:

1. Sử dụng dữ liệu đúng mục đích, đúng phạm vi đã được Ban Tổ chức Trung ương chấp thuận;

2. Không chia sẻ lại dữ liệu cho bên thứ ba khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Ban Tổ chức Trung ương;

3. Bảo đảm các điều kiện về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật;

4. Quản lý chặt chẽ tài khoản kết nối; kịp thời thu hồi tài khoản khi không còn nhiệm vụ liên quan;

5. Phản ánh kịp thời các sai lệch, vướng mắc về dữ liệu để Ban Tổ chức Trung ương xử lý;

6. Chấp hành chế độ báo cáo định kỳ; chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban Tổ chức Trung ương;

7. Chịu trách nhiệm theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Phương án kỹ thuật kết nối (mô tả chi tiết về kiến trúc, công nghệ, giao thức);

2. Kết quả phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin (tối thiểu cấp độ 3) của cơ quan đề nghị;

3. Danh sách tài khoản đề nghị cấp (nếu có);

4. Các tài liệu khác có liên quan: .....

[Tên cơ quan đề nghị] kính đề nghị Ban Tổ chức Trung ương xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: - Ban Tổ chức Trung ương; - .....; - Lưu	**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 02

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG **BAN TỔ CHỨC** * Số ...-QĐ/BTCTW	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Hà Nội, ngày tháng năm .....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng cho [tên cơ quan tiếp nhận]

- Căn cứ Quy định số 216-QĐ/TW, ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức Trung ương;

- Căn cứ Quy định số ...-QĐ/BTCTW, ngày .../.../2026 của Ban Tổ chức Trung ương về kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị;

- Căn cứ Phiếu đề nghị số ... ngày .../.../... của [tên cơ quan tiếp nhận] về việc kết nối, chia sẻ dữ liệu;

- Xét ý kiến thẩm định của các vụ, cục, đơn vị liên quan;

- Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ban Tổ chức Trung ương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận việc kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng cho [tên cơ quan tiếp nhận] với các nội dung quy định tại các điều dưới đây.

Điều 2. Mục đích, phạm vi và đối tượng sử dụng

1. Mục đích sử dụng dữ liệu: .....

2. Phạm vi sử dụng: .....

3. Đối tượng sử dụng: cán bộ, công chức được [tên cơ quan tiếp nhận] phân công.

Điều 3. Phân hệ cơ sở dữ liệu, nhóm dữ liệu được chia sẻ và mức độ chia sẻ

STT	Phân hệ CSDL	Nhóm dữ liệu	Trường dữ liệu cụ thể	Mức độ chia sẻ
1				
...				

Điều 4. Phương thức kết nối và tài khoản

1. Hình thức kết nối: .....

2. Hạ tầng truyền dẫn: .....

3. Tần suất, định dạng dữ liệu: .....

4. Tài khoản kết nối: số lượng ....., do Văn phòng Ban Tổ chức Trung ương cấp phát theo quy định.

Điều 5. Trách nhiệm của các bên

1. Ban Tổ chức Trung ương: bảo đảm chất lượng dữ liệu chia sẻ; vận hành hạ tầng kết nối; cấp và quản lý tài khoản; xử lý vướng mắc, xung đột dữ liệu phát sinh.

2. [Tên cơ quan tiếp nhận]: sử dụng dữ liệu đúng mục đích, phạm vi; bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước; quản lý tài khoản kết nối; phản ánh kịp thời sai lệch, vướng mắc; chấp hành chế độ báo cáo và kiểm tra.

Điều 6. Xử lý vướng mắc, xung đột dữ liệu

Việc xử lý vướng mắc, xung đột dữ liệu thực hiện theo Điều 24 Quy định số ...-QĐ/BTCTW ngày .../.../2026 của Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 7. Thời hạn, sửa đổi, chấm dứt

1. Thời hạn hiệu lực: từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quyết định này thực hiện theo đề nghị của một trong hai bên và được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Tổ chức Trung ương.

3. Việc tạm ngừng, chấm dứt kết nối thực hiện theo Điều 29 Quy định số ...-QĐ/BTCTW.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ban, các vụ, cục, đơn vị liên quan thuộc Ban Tổ chức Trung ương và [tên cơ quan tiếp nhận] chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều ...;
- Đồng chí Trưởng Ban (để biết);
- Các vụ, cục, đơn vị liên quan;
- Lưu Văn phòng Ban.

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

(Họ và tên)

Mẫu số 03

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG **BAN TỔ CHỨC** * Số ...-QĐ/BTCTW	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Hà Nội, ngày tháng năm .....*

BIÊN BẢN

Phát hiện xung đột dữ liệu

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm ....., tại ……

Chúng tôi gồm:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA

1. Đại diện cơ quan phát hiện xung đột:

- Họ và tên: ..... Chức vụ: .....

- Đơn vị công tác: .....

2. Đại diện cơ quan có liên quan (nếu có):

- Họ và tên: ..... Chức vụ: .....

- Đơn vị công tác: .....

3. Người lập biên bản:

- Họ và tên: ..... Chức vụ: .....

II. THÔNG TIN VỀ DỮ LIỆU XUNG ĐỘT

1. Phân hệ cơ sở dữ liệu: .....

2. Đối tượng quản lý (đảng viên, cán bộ, tổ chức đảng…): .....

3. Mã định danh (số định danh cá nhân, mã đảng viên, mã tổ chức…): .....

4. Trường dữ liệu xung đột: .....

5. Thời điểm phát hiện: ngày ..... tháng ..... năm ....., lúc ..... giờ .....

III. MÔ TẢ XUNG ĐỘT

Trường dữ liệu	Giá trị tại CSDL nguồn (HTTT TCXDĐ)	Giá trị tại CSDL khác (ghi rõ tên CSDL)

Mô tả thêm về tính chất, mức độ ảnh hưởng của xung đột:

.....

IV. NGUYÊN NHÂN BAN ĐẦU (nếu xác định được)

 Dữ liệu chưa được đồng bộ giữa các CSDL

 Sai lệch trong quá trình nhập liệu

 Thay đổi dữ liệu nguồn chưa cập nhật

 Lỗi kỹ thuật trong quá trình kết nối, truyền dẫn

 Chưa xác định được nguyên nhân

 Khác: .....

V. ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ

1. Bên có trách nhiệm xử lý: .....

2. Hành động đề nghị: .....

3. Thời hạn đề nghị xử lý: .....

VI. KẾT LUẬN

Biên bản được lập thành ..... bản; mỗi bên giữ 01 bản; 01 bản gửi Văn phòng Ban Tổ chức Trung ương để theo dõi, chỉ đạo xử lý theo Điều 24 Quy định số ...-QĐ/BTCTW.

Biên bản kết thúc vào hồi ..... giờ ..... cùng ngày.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN PHÁT HIỆN XUNG ĐỘT	ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN (nếu có)	NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 04

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG **BAN TỔ CHỨC** * Số ...-TB/BTCTW	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Hà Nội, ngày tháng năm .....*

THÔNG BÁO

Về việc tạm ngừng/chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng

-----

Kính gửi: [Tên cơ quan tiếp nhận]

Căn cứ Quy định số ...-QĐ/BTCTW ngày .../.../2026 của Ban Tổ chức Trung ương về kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số ...-QĐ/BTCTW ngày .../.../... của Ban Tổ chức Trung ương về việc chấp thuận kết nối, chia sẻ dữ liệu cho [tên cơ quan tiếp nhận];

Ban Tổ chức Trung ương thông báo tới [tên cơ quan tiếp nhận] về việc tạm ngừng/chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu, cụ thể như sau:

1. Loại tạm ngừng/chấm dứt

 Tạm ngừng kết nối, chia sẻ dữ liệu

 Chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu

2. Lý do

 Nâng cấp, mở rộng, bảo trì hệ thống thông tin, cơ sở hạ tầng thông tin

 Sự cố bất khả kháng làm gián đoạn kết nối

 Cơ quan tiếp nhận vi phạm mục đích sử dụng dữ liệu

 Kết nối có khả năng làm mất an ninh mạng

 Mục đích sử dụng không còn phù hợp với mục đích chia sẻ đã được phê duyệt

 Văn bản chấp thuận hết hiệu lực mà không gia hạn

 Theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền

 Khác: .....

Mô tả chi tiết lý do: .....

3. Thời điểm có hiệu lực

Từ ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

4. Thời gian dự kiến khôi phục

(Chỉ áp dụng đối với trường hợp tạm ngừng)

Dự kiến từ ngày ..... tháng ..... năm ....., hoặc khi điều kiện sau được đáp ứng: .....

5. Yêu cầu thực hiện đối với [tên cơ quan tiếp nhận]

1. Ngừng việc kết nối, khai thác dữ liệu từ thời điểm hiệu lực thông báo;

2. Bảo quản, không sử dụng dữ liệu đã khai thác trong thời gian tạm ngừng/chấm dứt;

3. Đối với trường hợp chấm dứt: thực hiện xử lý dữ liệu đã khai thác theo quy định, không tiếp tục lưu trữ;

4. Phối hợp với Văn phòng Ban Tổ chức Trung ương để giải quyết các vấn đề liên quan;

5. Đối với trường hợp vi phạm: khẩn trương khắc phục vi phạm trong thời hạn 30 ngày và báo cáo Ban Tổ chức Trung ương.

6. Đầu mối liên hệ tại Ban Tổ chức Trung ương

Văn phòng Ban Tổ chức Trung ương

Họ tên cán bộ phụ trách: .....

Điện thoại: ..... Email: .....

Ban Tổ chức Trung ương thông báo để [tên cơ quan tiếp nhận] biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều ...;
- Đồng chí Trưởng Ban (để biết);
- Các vụ, cục, đơn vị liên quan;
- Lưu Văn phòng Ban.

T/L TRƯỞNG BAN
CHÁNH VĂN PHÒNG

(Họ và tên)

Mẫu số 05

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG **BAN TỔ CHỨC** * Số ...-BC/BTCTW	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Hà Nội, ngày tháng năm .....*

BÁO CÁO

Kết quả kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng năm .....

Kính gửi:

- Lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương;

- Văn phòng Trung ương Đảng (để tổng hợp báo cáo Ban Bí thư).

Thực hiện Quy định số ...-QĐ/BTCTW ngày .../.../2026 của Ban Tổ chức Trung ương về kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng và Quy định số 384-QĐ/TW ngày 19/11/2025 của Ban Bí thư, Văn phòng Ban Tổ chức Trung ương báo cáo kết quả công tác kết nối, chia sẻ dữ liệu năm ..... như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Bối cảnh, đặc điểm trong năm: .....

2. Những thuận lợi, khó khăn nổi bật: .....

II. KẾT QUẢ CỤ THỂ

1. Số lượng cơ quan, tổ chức tiếp nhận dữ liệu:

Phân loại	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Cơ quan đảng ở Trung ương			
Tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TW			
Bộ, ngành, cơ quan nhà nước			

Phân loại	Mức 1	Mức 2	Mức 3
MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội			
Tổng cộng			

2. Số lượng giao dịch chia sẻ dữ liệu theo phân hệ CSDL:

Phân hệ CSDL	Số giao dịch chia sẻ	Số cơ quan khai thác
CSDL tổ chức đảng, đảng viên		
CSDL cán bộ		
CSDL sức khỏe cán bộ theo phân cấp quản lý		
CSDL bảo vệ chính trị nội bộ		
CSDL đào tạo, bồi dưỡng cán bộ		
CSDL nghiên cứu khoa học		
Tổng cộng		

3. Kết quả đối soát chéo với CSDL quốc gia:

a) Với CSDL quốc gia về dân cư:

- Số bản ghi đối soát: .....

- Số bản ghi phát hiện sai lệch: .....

- Số bản ghi đã được xử lý, đồng bộ: .....

b) Với CSDL quốc gia về CBCCVC:

- Số bản ghi đối soát: .....

- Số bản ghi phát hiện sai lệch: .....

- Số bản ghi đã được xử lý, đồng bộ: .....

4. Xử lý xung đột, vướng mắc dữ liệu:

- Số trường hợp phát hiện trong năm: .....

- Số trường hợp đã xử lý xong: ..... (.....%)

- Số trường hợp đang trong quá trình xử lý: .....

5. Tạm ngừng, chấm dứt kết nối:

- Số trường hợp tạm ngừng: .....

- Số trường hợp chấm dứt: .....

- Lý do chính: .....

III. ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được nổi bật:

.....

2. Tồn tại, hạn chế:

.....

3. Nguyên nhân:

.....

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM TIẾP THEO

.....

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương: .....

2. Đối với Văn phòng Trung ương Đảng: .....

3. Đối với các vụ, cục, đơn vị thuộc Ban: .....

4. Đối với các cơ quan, tổ chức tiếp nhận: .....

Trên đây là báo cáo kết quả kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin lĩnh vực Tổ chức xây dựng Đảng năm ....., kính trình Lãnh đạo Ban xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận: - Như trên; - Đồng chí Trưởng Ban (để biết); - Các vụ, cục, đơn vị liên quan; - Lưu Văn phòng Ban.	**T/L TRƯỞNG BAN** CHÁNH VĂN PHÒNG *(Họ và tên)*